

LỜI NÓI ĐẦU.

Trong bốn bộ kinh chính⁽¹⁾ của Tạng kinh (Suttantapīṭaka), mỗi quan tâm hàng đầu của Phật giáo là đạt đến Nípàn nhờ tu tập bát chánh đạo.

Trong các bộ kinh này, Đức Phật giảng thuyết giai đoạn cuối cùng để đi đến giải thoát, đặc tính cấp bách này được hiển lộ đặc biệt so với các đặc tính khác và có lẽ không có đặc tính nào thật nổi bật hơn so với đặc tính “cấp bách” này, Đức Phật mong muốn các đệ tử đạt đến mục tiêu cuối cùng là quả vị Vô sinh bất tử.

Như người phát hiện ra cái khăn quý của mình đang bị lửa đốt cháy, ngay lập tức tìm cách dập tắt ngọn lửa. Cũng vậy, Ngài chỉ dạy đệ tử nỗ lực dập tắt những ngọn lửa ái (tañhā) để đạt đến trạng thái an toàn tuyệt đối, hưởng lạc Nípàn trọn vẹn.

Những bài kinh cổ sơ có đề cập đến ba hạng người đạt đến trạng thái giải thoát trọn vẹn⁽²⁾, đó là:

- Đức Phật Chánh giác (*Sammāsambuddha*): Vị tự chứng đạt pháp vô sinh bất tử, không thầy chỉ dạy, đồng thời có khả năng dạy người khác chứng đạt quả vị này. Tức là Ngài có lời giáo hóa (sāsanā).

- Đức Phật Bíchchi (*Pacceka-buddha*- Đức Phật Độc Giác): Tuy Ngài tự chứng đạt, không thầy chỉ

⁽¹⁾ – Trung bộ kinh, Tương ưng kinh, Tăng chi kinh và Tiểu bộ kinh.(Nd)

⁽²⁾ - Ở đây chỉ cho Vô dư y Nípàn, hay viên tịch.(Nd)

dạy, nhưng Ngài không có khả năng giáo hóa kẻ khác chứng đạt pháp Bất tử, nên Ngài không có giáo thuyết (*sāsanā*).

- Đức Alahán (Arahanta). Vị chứng đạt pháp Bất tử nhờ sự chỉ dẫn của Đức Chánh giác và sau đó giảng dạy lại cho người khác tùy theo khuynh hướng và khả năng của mình. Các Ngài là đệ tử của Đức Chánh giác.

Vì thời gian và sự nỗ lực tu tập của ba bậc có sai khác nhau, nên phẩm vị có khác nhau là như thế. Và không tìm thấy hạng nào vượt trội hơn ba bậc này, nên ba bậc Thánh nêu trên được xem là mẫu mực lý tưởng, tối thiểu cũng phải đạt đến phẩm vị Alahán.

Tất cả ba bậc Thánh nêu trên đều giống nhau về sự chứng đạt Nípàn, nhưng mỗi bậc lại khác nhau ở những khía cạnh riêng biệt về trí thông đạt (*paññedhañña*)..., đó là do khuynh hướng và hành trình với phương thức (*yāna*)⁽¹⁾ khác nhau.

Trường phái Theravāda (Nguyên Thủy), một trong các trường phái cổ xưa nhất so với các trường phái trong Phật giáo.

Theo sự chỉ dạy của *Đức Phật lịch sử*, lý tưởng của trường phái này là “*chứng đạt Alahán*”, đó là tầm quan trọng nhất được đặt trên nền tảng ***yên tịnh***, lý tưởng này thường được mô tả trong các bài kinh Pāli.

⁽¹⁾- Yāna thường được dịch là cỗ xe, ở đây chúng tôi dịch là phương thức”.(Nd)

Những lý tưởng khác như “chúng đạt Độc giác Phật, chúng đạt Chánh giác Phật” vẫn được đề cập đến, nhưng lại là một phạm trù khác, nên không mô tả chi tiết.

Những trường phái khác như Sarvāstivāda (Hữu bộ) và Mahāsaṅghika (Đại chúng bộ), trong khi ủng hộ tính ưu việt của các vị Thánh Alahán và lý tưởng Alahán, nhưng cũng quan tâm đến những lý tưởng khác như “lý tưởng Bíchchi Phật”, “lý tưởng Chánh giác Phật”, những lý tưởng này vẫn có thể đạt được đối với những người có ước vọng mãnh liệt, theo đuổi các mục tiêu đó.

Do vậy, họ cũng thừa nhận 3 phương thức (*yāna*) hay ba đường lối dẫn đến thông đạt. Tất cả đều có giá trị nhưng mỗi phương thức có khó khăn riêng, thời gian dài ngắn khác nhau, đồng thời có tác dụng hỗ tương lẫn nhau.

Trong tất cả các trường phái xưa, các vị Giáo thọ sư tiền bối, các tư tưởng gia, các thi sĩ cùng nỗ lực điền vào lịch sử của ba bậc giác ngộ với các câu chuyện *tiên thân*, đặc biệt là “*tiên thân Đức Phật*”.

Vào những thời điểm quá khứ, tiền thân các vị ấy tạo ra nền tảng cho những thành tựu trong tương lai, nổi bật nhất là vị Bồ tát Chánh giác, đó là hình bóng của Đức Phật Chánh giác tương lai, là người tìm ra “con đường dẫn đến thông đạt pháp”.

Đức Chánh giác là người chủ các pháp, là bậc đáng tôn kính và nể vì hơn tất cả mọi sinh chúng.

Dần dần một tác phẩm được hình thành⁽¹⁾, bắt đầu miêu tả làm nổi bật lên sự phát triển của Bồ tát hạnh hay “Phật Chánh giác tương lai” với con đường tu tập đầy cam go.

Theo cách này, dáng vẻ của vị Bodhisattvā (Bồ tát), người khao khát thành Phật Chánh giác trong tương lai nổi bật như vầng thái dương trong đời sống Phật giáo phổ biến.

Cực điểm của sự cách tân này là sự xuất hiện của trường phái Mahāyāna (Đại thừa - còn được hiểu là “Đại phương tiện” hay “cỗ xe lớn”) vào khoảng cuối thế kỷ thứ I trước Tây lịch.

Theo Mahāyāna thì: Trong ba phương thức (yāna) giác ngộ, thì phương thức của Bồ tát Chánh giác là tối thắng, hai hạng còn lại chỉ là những cách mà Đức Phật nghĩ ra, chỉ cho những đệ tử ít giỏi hơn tu tập, để hoàn thiện đi đến thành Phật Chánh giác trong tương lai, hai phương thức: Độc giác thừa, Thinh văn thừa chỉ có giá trị lý tưởng trong tâm.

Trường phái Theravāda, với khuynh hướng “theo đúng truyền thống” (còn gọi là bảo thủ) và cách ly với “sự cách tân” của các trường phái khác. Tuy vẫn chấp nhận những thay đổi vốn phải có trong thế giới Phật giáo, nhưng Theravāda vẫn bảo toàn các bài pháp trong kỳ kết tập lần I, không thay đổi khung cơ bản của Pháp.

⁽¹⁾- Pc: Cariya piṭaka– atthakathā (Chú giải Hạnh tạng).

Tuy nhiên, hình bóng của vị Bồtát đã có trong trường phái Theravāda, thậm chí có trước khi trường phái cách tân Mahāyāna ra đời. Hình bóng vị Bồtát đã bắt đầu xâm nhập vào môi trường tâm linh lẫn văn hóa Phật giáo trong hệ thống giáo thuyết của Theravāda.

Hai tiêu chí trong giáo thuyết của Đức Phật, dường như tạo phôi thai cho sự phát triển này.

Một là: Thực tế Đức Phật đã sử dụng từ “bodhisattvā (Bồtát)” để chỉ chính mình vào lúc trước khi giác ngộ, hoặc ngay từ khi còn ở cõi trời Đâu Suất (Tusitadeva), trước khi xuống nhân loại.

Hai là: Ngài thừa nhận có nhiều vị Phật trong quá khứ, Đức Sakya Gotama không phải là đáng vẻ duy nhất trong bảng phả hệ của vũ trụ, Ngài chỉ là nhân vật xuất hiện mới nhất so với những vị Phật đã thành tựu giác ngộ và đưa nhiều chúng sinh ra khỏi chuơng ngại của khổ luân hồi.

Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya) có đề cập đến tên của sáu vị Phật trước Đức Phật Gotama (D ii. 2) và cũng chỉ ra Bồtát Metteyya, Đức Chánh giác tương lai, người sẽ thấp lại ngọn đèn chánh Pháp sau khi bị chôn lấp trong bóng tối hàng ngàn kỷ nguyên phía trước (D iii. 76).

Hai tiêu chí này ám chỉ đến sự tồn tại của “các vị Phật tiềm năng - Phật Chánh giác tương lai” hay ám chỉ đến vị Bồtát đang tự hoàn thiện qua vô vàn kiếp sống để đạt đến đỉnh giác ngộ tối thắng.

Những thử thách và thành tựu của vị trở thành Phật Chánh giác của chúng ta, được ghi nhận trong các câu chuyện Bốn sanh, đề cập đến cách hành xử của Bồtát trong các kiếp quá khứ, đồng thời có liên hệ đến tiền thân của các vị Thánh đệ tử Alahán.

Việc Bồtát bước vào con đường này khi nào và ra sao? thì có ghi trong Phật Sử (*Buddhavaṃsa*), là bản có thêm sau này cho Tạng Kinh (*Sutta Piṭaka*).

Trong bản Phật sử này, câu chuyện Bồtát Sumedha (Thiên Huệ) đã trở thành tiền đề kiểu mẫu cho tất cả sự phát triển sau này của vị Bồtát Chánh giác.

Theo câu chuyện này, trong vô số kiếp trái đất xa xưa, Bồtát của chúng ta là ẩn sĩ Sumedha, đã ước nguyện ra lời (*abhinīhāra*) dưới chân Đức Phật Dipaṅkara (Nhiên Đăng), vị Phật thứ 24 khi xưa.

Khi đó cửa chứng đạt quả Chánh giác được mở ra cho Bồtát, để Ngài có thể trở thành Phật Chánh giác trong tương lai, cứu khổ (tế độ) cho nhân loại lẫn chư thiên. Đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Bồtát Sumedha, xác nhận sự thành công trong tương lai của Bồtát.

Sau khi được Đức Nhiên Đăng thọ ký, Bồtát quán xét về những pháp cần tu tập để đạt được mục đích của mình. Mười pháp balamật hình thành, đó là những nền tảng ban đầu để Bồtát tu tập, tạo điều kiện cho “những pháp trợ đạo” (*bodhisambhāra*) sinh khởi sau này. Và mười balamật được ghi nhận trong bản kinh Phật sử này.

Trường phái Theravāda vẫn biết được hành trình đầy cam go của vị Bồ tát Chánh giác, theo quan điểm của Theravāda, vị trí Bồ tát Chánh giác vượt trội, chiếm ưu thế so với những vị Bồ tát Bíchchi, Bồ tát Thịnh văn, và “con đường này chỉ dành cho những cá nhân phi thường và hiếm có”.

Nhưng do điều này không được tìm thấy trong các ghi chép cổ xưa về những bài pháp của Đức Phật nên những ai là đệ tử Đức Phật, thường được khuyên “nên làm theo những chỉ dẫn của Đức Phật”, là “tu tập bát chánh đạo để thành tựu Níp bàn”.

Do vậy, phần chủ yếu văn học Pāli của trường phái Theravāda, chú trọng giải thích sâu và chi tiết về “bát chánh đạo” cùng những phân nhánh của bát chánh đạo. Trong khi đó, tu tập các balamật chỉ ở bề rộng và khái quát.

Tuy nhiên, thời gian trôi qua, có lẽ một phần do ảnh hưởng của Mahāyāna (Đại thừa), lý tưởng của Bồ tát được tăng thịnh trong tâm của các Phật tử, vì thế cần phải có tác phẩm giải thích cách thực hành các pháp của con đường *Pāramitā* (balamật – hay con đường đến bờ kia) mà không chệch hướng, không ra khỏi giáo thuyết của Theravāda.

Các công trình giải thích chi tiết về sự nghiệp của Bồ tát có rất nhiều trong các trường phái Mahāyāna, vì đây là mối quan tâm chính của các trường phái đó. Trong khi đó Theravāda không có tác phẩm nào giải thích rộng về hành trình tu tập các balamật của Bồ tát Chánh giác.

Hình như để đáp ứng nhu cầu này, Ngài Āraciya Dhammapāla soạn tập Pāramī (Pháp độ), được tìm thấy ít nhất ở hai nơi trong văn học Pāli, một phần hoàn chỉnh trong Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā (Sớ giải Hạnh Tạng) và một phần ngắn gọn trong *ṭikā* hay phụ chú giải của bài kinh Brahmajāla Sutta (kinh Phạm võng trong Trường bộ kinh – Nd).

Tự tác phẩm là bài luận về “những thành viên trong thị tộc của Bôttát Chánh giác”, đã nhiệt tâm cùng sự thiện xảo của mình, khi tu tập pháp balamật làm duyên cho “những pháp trợ đạo” sinh khởi, đạt được sự giác ngộ cao tột.

Những phụ chú giải của các bài kinh (*suttantika*) được định rõ cho những ai mong muốn theo hướng đi Bôttát phải thực hành. Trong tác phẩm có trích dẫn từ nhiều bài kinh để xác định những cách tu tập thích hợp với mục đích của mình, như chính kinh điển đã được ghi chép.

Theo trường phái Mahāyāna (Đại thừa), đề cập đến **“phương thức giác ngộ tối thắng”** (*mahābodhiyāna*) không phải chỉ biểu thị sự vĩ đại trong sự nghiệp của Bôttát, mà còn là “sự cao thượng trong mục đích và khả năng giúp cho nhiều chúng sinh được giải thoát”.

Chủ đề chính của quyển sách này là: “Các balamật là nền tảng cho các pháp trợ đạo”.

Từ *pāramī* dẫn đến *parama* (tối thắng), vì thế balamật ám chỉ đến sự cao quý của các pháp mà

Bồ tát đã tu tập trong quá trình phát triển tâm linh lâu dài.

Những từ cùng gốc *pāramitā*, được dùng nhiều trong kinh điển Mahāyāna (Đại thừa) cũng như Pāli thì đôi khi được giải thích là *pāram + ita* “đến bờ kia”, chỉ ra phương diện thâm sâu của những pháp này.

Danh sách các balamật trong truyền thống Pali có khác với các bản quen thuộc trong các tác phẩm Sanskrit có trước khi Mahāyāna xuất hiện. Tác giả của chúng ta chỉ ra rằng hai bản danh sách này có thể có liên quan với nhau (xem phần 12), chúng có sự trùng hợp với nhau về nội dung (theo từng khía cạnh), chúng chỉ khác nhau về số lượng, điều này cho thấy cả hai có cùng một gốc, trước khi tách ra thành hai truyền thống.

Danh sách balamật trong các bản kinh Sanskrit là: Bồ thí, trì giới, nhẫn nại, tinh tấn, thiền và tuệ. Các tác phẩm Pāli, bao gồm cả những tác phẩm trước thời Mahāyāna đưa ra một bản danh sách 10 balamật: Bồ thí, trì giới, xuất ly, tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ và xả.

Từ sáu balamật ban đầu của kinh Sanskrit, sau đó kinh điển Mahāyāna thêm vào bốn: xuất ly, thiện xảo, thần thông và thắng trí - để phối hợp một danh sách các balamật gồm 10 trạng thái hướng đến thành Phật Chánh giác tương lai của Bồ tát.

Không giống như Mahāyāna, Theravāda không bao giờ phát triển một học thuyết về các trạng thái

nào khác, dù điều đó có thể hoàn toàn để xếp loại các balamật vào một ba cấp độ là: nền tảng, bậc trung và tối thắng (xem phần 11).

Tác phẩm này dẫn nhiều nguồn, cả Theravāda và Mahāyāna và do vậy mà có lẽ là “chứng cứ duy nhất” cho tác phẩm Theravāda cổ xưa, một tác phẩm “có họ hàng phía bắc”; tuy nhiên, về giáo pháp thì tác phẩm này không bao giờ đi chệch hướng khỏi giáo thuyết Theravāda.

Chính mười balamật là từ Phật Sử (*Buddhavaṃsa*) khi thảo luận về đại ước nguyện (*abhinīhāra*) với tám đặc tính của vị Bồ tát được thọ ký từ Đức Chánh giác. Tất cả điều này là một phần của truyền thống Theravāda mà theo thời gian tác phẩm này được soạn ra và dễ dàng lôi cuốn những ai muốn trở thành Bồ tát Chánh giác trong tương lai.

Các nguồn Pali khác – kinh điển, Jātaka (câu chuyện tiền thân), các tác phẩm kinh điển sau này như Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimagga*)... đều được trích dẫn trong tác phẩm này.

Phương pháp luận cơ bản của các chú giải là giải thích 10 balamật theo bốn chi phần là: đặc tính, chức năng, sự hiển lộ và nhân gần (xem phần 5).

Di sản của truyền thống văn học khẩu truyền của nhiều vị thầy Pāli sau này cũng được tìm thấy với nhiều quan điểm thể hiện trong ba giai đoạn tu tập từng balamật (xem phần 11), trong sự tương quan của bốn nền tảng với những giai đoạn khác nhau trong sự nghiệp của Bồ tát (xem phần 12) và trong sự phân

loại thời gian cần thiết để hoàn tất các balamật (xem phần 14).

Có lẽ do ảnh hưởng của trường phái cổ khác, Sarvāstivāda (Hữu bộ) chỉ đề cập sáu balamật (xem phần 12).

Tác phẩm chính Mahāyāna được tác giả sử dụng là *Bodhisattvabhūmi*, chương 15 của *Yogācārabhūmi*, kinh điển của trường phái Yogācāra của Maitreyanātha, vị thầy của Ngài Asanga (Vô trước). *Bodhisattvabhūmi* có đóng góp vào trong những phần tu tập các balamật, đặc biệt là balamật đầu tiên, phần bốn sự trói buộc của bố thí và trong phần thực hiện đặc biệt có được từ các balamật.

Tuy có sử dụng những bản nêu trên, nhưng tác giả đã làm chệch hướng khỏi các đặc tính Mahāyāna một cách đặc biệt, làm cho chúng phù hợp với giáo thuyết của Theravāda.

Sự ảnh hưởng của Mahāyāna có thể thấy rõ trong tác phẩm này trong: “phần nhấn mạnh về bi và thiện xảo”, “trong những lời nguyện mang lợi ích cho tất cả chúng sinh” và trong phần nói rằng Bồ tát làm cho chúng sinh “đến và đạt được độ chín mùi trong ba phương thức”...

Như chúng tôi đã đề cập về học thuyết của các trường phái, nhưng tác phẩm này vẫn tuân thủ theo giáo thuyết của Theravāda.

Về phần tuệ balamật, tuy văn học Prajñāramitā (Bát nhã balamật) có đề cập đến, vì đó là cốt lõi của

Phật giáo mà tất cả các trường phái đều phải có. Nhưng trong tác phẩm này không bàn đến Nípàn, vòng luân hồi, ba thân phật (báo thân, pháp thân và hóa thân), Duy thức học (ám chỉ phần Alaidathức – Nd), “ước nguyện thành bậc Chánh giác của vị Thánh Alahán” hay của “Độc giác Phật”, cũng không có bất kỳ những quan điểm nào khác, nhằm mục đích “phân biệt với chủ thuyết của Mahāyāna”. Thậm chí, “sự trống rỗng (*suññatā*) trong các bài kinh Bát nhã balamật (*Prajñāramitā*) của Mahāyāna” cũng không thảo luận đến.

Phần thảo luận về tuệ balamật, hoàn toàn theo các bài kinh Pāli và Thanh Tịnh Đạo, nêu rõ rằng “Bồ tát phải cân bằng tuệ, bi, thiện xảo và phải trì hoãn con đường đến đạo Siêu thế cho đến khi các pháp trợ đạo được chín mùi đầy đủ.

Nên lưu ý rằng trong truyền thống Theravāda, các balamật không được đề cập đến như là phương pháp tu tập đặc biệt cho riêng các vị Bồ tát mà là những pháp hành cho tất cả những ai muốn giải thoát cần phải tu tập, cho dù là thành Phật Chánh giác, Độc giác hay Thánh Thanh văn.

Điều phân biệt Bồ tát Chánh giác với hai bậc kia là gì? Đó là mức độ tu tập các balamật và độ dài thời gian mà các Ngài phải có.

Nhưng chính các balamật là những pháp cần thiết để giải thoát mà tất cả ba hạng Bồ tát cần phải tu tập trong mức độ tối thiểu cần phải có, cho đạo quả giải thoát sớm sinh khởi.

Bản dịch này dựa vào bản Sớ giải Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, trong ấn bản Kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ 6 bằng tiếng Miến.

Bản này được cô đọng lại vài chỗ theo giới hạn kích cỡ của một quyển sách nhỏ. Về bản dịch đầy đủ, độc giả xem phần dịch của tôi về bài kinh Brahmajāla Sutta và chú giải “The Discourse on the All-embracing net of views” (BPS 1978, 1992), phần IV.

Bodhi

PHÁP ĐỘ

Bây giờ chúng tôi giải thích chi tiết về các balamật (pāramīs) từ các bài kinh để chư Phật tử nắm bắt, cho những ai thật tâm tìm cầu sự giải thoát, sẽ nương theo lời dạy của Đấng Đại giác (*mahābodhiyāna*), tu tập những pháp cần thiết dẫn đến giác ngộ, đồng thời phát triển kỹ năng của mình khi tu tập.

Sau đây là các câu hỏi:

- 1-Pāramīs⁽¹⁾ là gì?
- 2- Với ý nghĩa nào được gọi là balamật?
- 3- Balamật có mấy?
- 4- Trình tự của các balamật như thế nào?
- 5- Các đặc tính, chức năng, sự hiển lộ và các nhân gần của các balamật?
- 6- Duyên của balamật là gì?
- 7- Nhơ bấn (āsava) của balamật là gì?
- 8-Sự trong sạch balamật là gì?
- 9-Balamật đối nghịch với pháp gì?
- 10- Thực hành balamật như thế nào?
- 11- Balamật được phân tích như thế nào?
- 12- Các balamật kết hợp ra sao?

⁽¹⁾- Pāramī âm là balamật, dịch là: đến bờ kia .(Nd)

13- Các balamật được thực hiện theo các cách nào?

14- Mất bao lâu để thực hiện balamật?

15- Những lợi ích của balamật?

16- Quả của balamật?

Giải đáp:

1-Paramīs là gì?

Balamật là những đức tính cao quý như bố thí, trì giới..., chúng đồng hành cùng với tình thương (karuṇā), thực hiện với phương thức khéo léo một cách tốt đẹp (kosalla – thông thạo, thiện xảo), đồng thời không bị hư hoại bởi ái (taṇhā), ngã mạn (māna) và tà kiến,⁽¹⁾ (thông thường pāramī được dịch là pháp độ - Nd).

2-Với ý nghĩa nào được gọi là pháp độ?

Các vị bodhisattvā (Bồ tát), là bậc đại nhân, là bậc cao tột (*parama*) trong các chúng sinh, vì các Ngài có những phẩm chất tốt đẹp khi thực hành bố thí, trì giới.... cùng cách hành xử của các vị ấy.

Bồ tát là vị vượt trội hơn người khác, do vậy mà Ngài trở thành cao thượng (*paratī ti paramo*).

⁽¹⁾-*Taṇhāmānaditṭhīhi anupahatā*
pariggahitā dānādayo guṇā pāramiyo.

karuṇūpāyakosalla-

Bồ tát là người *thực hiện và gìn giữ* những gì có phẩm chất cao thượng như bố thí, trì giới...; đồng thời cách ***hành xử*** của vị Bồ tát cũng mang tính chất cao thượng, qua các việc làm: Bố thí, trì giới... nên gọi là pāramī .

3- Pháp độ có mấy?

Nói ngắn gọn thì balamật có mười, được ghi nhận trong kinh điển với đặc tính riêng biệt. Đức Sāriputta (Xá lợi phất) có bạch hỏi:

“Bạch Đức Thế Tôn, một vị Bồ tát có bao nhiêu phẩm chất?”

“Này Sāriputta, một vị Bồ tát có 10 phẩm chất. Đó là gì? Này Sāriputta, bố thí là phẩm chất của Bồ tát. Giới (sīla)..., xuất ly (nekkhamma)..., tuệ (pañña)..., tinh tấn (virīya)..., nhẫn nại (khanti)..., chân thật (sacca)..., quyết định (adhiṭṭhāna)..., từ (mettā)... Xả (upekkhā) là phẩm chất của Bồ tát”.⁽¹⁾

Nhưng một số chỗ lại ghi có sáu, đó là nói theo cách tổng quát, chúng tôi sẽ giải thích ở phần 12.

4- Trình tự của các balamật như thế nào?

Ở đây ***“sự trình tự”*** có nghĩa là trình tự theo lời dạy. Sự trình tự theo lời dạy này bắt nguồn theo

⁽¹⁾- Bằng tiếng Pali: *dāna, sīla, nekkhamma, pañña, virīya, khanti, sacca, adhiṭṭhāna, mettā, upekkhā*. Không thấy có đoạn này nhưng hãy xem Phật sử (Buddhavaṃsa) I, v. 76.

một trình tự các balamật được thực hiện, hoặc là : “sự trình tự này theo các balamật được suy gẫm”.⁽¹⁾

Balamật nào được suy gẫm rồi thực hành trước tiên, balamật ấy được thuyết giảng trước

Ở đây, bố thí (dāna) được Bôtát suy nghiệm rồi thực hành trước tiên, nên được thuyết giảng trước, bố thí giúp cho giới sinh khởi để dễ dàng tu tập, như: “*Bố thí lại có giới hạnh thì có quả và lợi ích to lớn*”, vì vậy giới được đề cập đến ngay sau bố thí.

Giới giúp cho xuất ly sinh... xuất ly giúp tuệ sinh... tuệ giúp tinh tấn sinh... tinh tấn giúp nhẫn nại sinh... nhẫn nại giúp chân thật sinh... chân thật giúp quyết định sinh... quyết định giúp từ sinh... Và Từ (mettā) giúp Xả (upekkhā) sinh.

Từ tâm có xả thì có quả và lợi ích to lớn; do vậy xả được đề cập đến ngay sau Từ. Xả lại ẩn tàng Bi (karuṇā) và khi có Bi thì có Xả.

Một số người có thể hỏi: “Làm sao Bôtát, bậc có tấm lòng bi mẫn với chúng sinh lại có thể nhìn chúng sinh bằng tâm Xả?

Một số vị giáo thọ sư nói: “Đôi khi các vị ấy thể hiện tâm xả đối với chúng sinh khi cần phải làm vậy,

⁽¹⁾- Ấm chỉ thời kỳ đầu tiên của Bôtát. Sau khi Bôtát nguyện dưới chân một vị Phật còn hiện tiền và nhận thọ ký từ Ngài về sự thành tựu trong tương lai. Bôtát sẽ độc cư và nghiên cứu từng pāramī với những đặc tính riêng biệt của các pāramī đó. Sau khi suy xét, Bôtát thực hành. Hãy xem Phật sử (Buddhavaṃsa) II. Vv. 116-66.

nhưng thật ra Ngài vẫn có tâm thương tưởng đến chúng sinh ấy”.

Nhưng một số vị khác nói: “Các vị Bồ tát không thể hiện tâm xả với chúng sinh, mà thể hiện với những nghiệp bất thiện của chúng sinh ấy đã gây ra cho Ngài”.

Một cách giải thích khác về “*sự trình tự*” là:

a- Bồ thí được nêu lên đầu tiên vì:

*- Bồ thí có tính phổ biến với tất cả chúng sinh, thậm chí người bình thường cũng tu tập pháp bố thí.

*- Bồ thí cho quả kém nhất (so với các balamật còn lại).

*- Bồ thí là pháp dễ thực hiện nhất.

b- Giới được nêu lên ngay sau bố thí vì:

*- Giới làm trong sạch cả người thí lẫn người nhận.

*- Để chỉ ra rằng trong khi bố thí mang lại lợi ích cho người thì trì giới không mang đến tai họa cho người.

*- Để chỉ ra sự an lành (giữ giới), ngay sau khi có hành động tích cực (là bố thí).

*- Để chỉ ra nhân thành tựu trạng thái thuận lợi trong kiếp tương lai ngay sau nhân thành tựu tài sản (là bố thí).⁽¹⁾

c- Xuất ly (nekkhamma) được đề cập đến ngay sau giới vì:

*- Xuất ly giúp hoàn thiện việc giữ giới.

*- Để đưa ra những lối hành xử trong tâm ngay sau lối hành xử tốt qua thân và khẩu.

*- Vì thiền (*jhāna*) dễ thành tựu với người có giới trong sạch.

*- Để chỉ ra rằng việc thanh lọc những khuynh hướng (*āsaya*) thấp hèn của một người, qua việc từ bỏ ác, bất thiện của thân - khẩu. Hay qua sự hiểu biết (*payoga*) sẽ từ bỏ các ý bất thiện trong tâm.

*- Để nêu lên sự từ bỏ các *ám ảnh trong tâm* ngay lập tức sau khi từ bỏ không phạm về thân và khẩu.⁽²⁾

d- Tuệ được đề cập đến ngay sau xuất ly vì:

*- Tuệ giúp cho xuất ly được hoàn thiện và trong sạch.

⁽¹⁾- Bố thí góp phần vào việc có được tài sản, giữ giới thì được tái sanh vào cảnh giới an lạc như cõi người, cõi chư thiên.

⁽²⁾- Giới ngăn ngừa không để phạm các tội về thân và khẩu. Xuất ly loại trừ những ám ảnh về những điều bất thiện trong tâm.

*- Để chỉ ra rằng: khi không có thiền (*jhāna*) thì không có tuệ, vì định là nhân gần của tuệ và tuệ là sự hiển lộ của định.

*- Để chỉ ra “xuất ly dục là nhân gián tiếp của tuệ, vì xuất ly dục là nhân gần của định, định sinh tuệ”.

*- Để chỉ ra rằng “tuệ trực tiếp mang lợi ích đến người qua năng lực thiền định”.

e- Tinh tấn được nêu lên ngay sau tuệ vì:

*- Chức năng của tuệ được hoàn thiện khi có tinh tấn.

*- Để chỉ ra việc làm phi thường của Bồ tát vì lợi ích của chúng sanh, sau khi Ngài hiểu rõ sự trống rỗng (*suññatā*) đối với người nhận lẫn người cho.

*- Để chỉ ra “trí sinh tinh tấn”.

*- Để khơi dậy tinh tấn ngay sau khi cân nhắc cẩn thận, theo câu nói “Hành động có suy nghĩ cẩn thận sẽ mang đến kết quả tuyệt vời”.

f- Nhẫn nại được đề cập đến ngay sau tinh tấn vì:

*- Nhẫn nại được hoàn thiện do tinh tấn như nói: “Người có nhẫn nại (chịu đựng), khơi dậy được tinh tấn của mình thì vượt qua khổ cảnh”.

*- Nhẫn nại là vật trang trí của tinh tấn như nói: “Nhẫn nại của người có tinh tấn thì sáng chói”.

*- Để chỉ ra nền tảng “nhân cho định ngay sau nền tảng tinh tấn”, vì loại trừ được sự tinh tấn quá mức, hoặc từ sự suy giảm pháp.

*- Để chỉ ra sự quân bình của người có tinh tấn, người có nhẫn nại sẽ không hoạt động quá sức của mình trong mọi công việc.

*- Để chỉ ra rằng Bồ tát không có tham muốn được tướng thưởng, luôn hành động vì lợi ích của người khác. Không có tham, sân, si khi Ngài quán xét Pháp theo đúng thực tướng.

*- Để chỉ ra rằng Bồ tát phải chịu đựng những khổ nạn do người khác tạo ra, thậm chí khi Ngài hoàn toàn vì lợi ích của người khác.

g- Chân thật được nêu lên ngay sau nhẫn nại vì:

*- Nhẫn nại được hành trì kéo dài nhờ thấy được sự thật.

*- Sự nhẫn nại là chịu đựng những sai trái do người khác gây ra, rồi tiếp đến chỉ ra sự chân thật với lời nói của người khác để giúp họ.

*- Để chỉ ra rằng vị Bồ tát nhờ nhẫn nại mà không bị chao đảo khi chống đối lại những chướng ngại, nhờ lời nói chân thật nên không từ bỏ kẻ nghịch.

*- Để chỉ ra sự chân thật giúp tuệ phát triển, nhờ quán xét đến sự trống rỗng của chúng sinh.

h- *Quyết định được đề cập đến ngay sau chân thật vì:*

*- Chân thật được hoàn thiện nhờ Quyết định. Tránh không làm điều sai; điều tốt được hoàn thiện, khi quyết định của người ấy không bị dao động.

*- Trước tiên chỉ ra sự không dối trá trong lời nói, kể đến chỉ ra sự cam kết không thay đổi lời nói, vì Bồ tát luôn nói chân thật để thực hiện lời nguyện bố thí..., không hề dao động trước bất cứ sự kiện nào.

*- Để chỉ ra rằng “ngay sau tuệ thấy rõ sự thật”, quyết tâm thành đạt các pháp giác ngộ cần thiết (*bodhisambhāra*); với những ai nhận biết “*những pháp cần thiết dẫn đến giác ngộ như thật*” sẽ không do dự khi đối đầu những pháp đối nghịch, mau chóng hoàn thiện những pháp cần thiết này.⁽¹⁾

i- *Từ được đề cập đến ngay sau Quyết định vì:*

*- Từ làm cho quyết định được hoàn hảo để hành động vì lợi ích của người khác.

*- Để liệt kê hành động vì lợi ích của người khác ngay sau khi quyết định làm điều đó, vì “người quyết định hướng theo những *bodhisambhāra* trú trong tâm Từ.

⁽¹⁾- Các *bodhisambhāra* chính là các *pāramī* (balamật), được chia làm hai nhóm: *puññasambhāra* (phước báu cần thiết) và *ñāṇasambhāra* (trí cần thiết).

*- Hành động vì lợi ích của người khác không nao núng, chỉ khi quyết định vững chắc và có tâm từ (tâm thương mến hay không giận hờn).

k- *Xả được đề cập đến ngay sau Từ vì:*

*- Xả làm cho Từ được trong sạch.

*- Để chỉ ra rằng phải giữ được sự điềm tĩnh đối với những hành động sai trái của người khác, và hành động vì lợi ích của người ấy.

*- Đề cập đến sự phát triển tâm Từ, tiếp đến là phát triển phẩm chất có được.

*- Để cho thấy giới tuyệt vời của Bồ tát, tâm luôn vô tư thậm chí với những ai mang điều tốt đến cho Ngài.

Do vậy, nên hiểu sự trình tự của các *pāramī* như đã giải thích.

5- Các đặc tính, chức năng, sự hiển lộ và nhân gần của các *balamật*?

Trước tiên, tất cả các *pāramī* có điểm chung là:

- Đặc tính: Mang lợi ích đến người khác.

- Chức năng: Giúp đỡ người khác, hay không có sự do dự.

- Hiển lộ: Mong muốn vì lợi ích của người khác, hay cho chính Bồ tát.

- Nhân gần: Có tâm đại bi (*mahākaruṇā*).

Nói riêng ra thì:

Hoàn hảo trong bố thí là: Tác ý từ bỏ; từ bỏ tài sản, vợ, con, tứ chi và mạng sống. Có tâm Từ và sự khéo léo (kosalla).

Hoàn hảo trong giới là: Hành động tốt trong thân - khẩu, có tâm từ và thiện xảo. Theo định nghĩa, đó là tránh làm những điều không nên làm, tác ý làm những điều nên làm...

Hoàn hảo trong xuất ly là: Tác ý từ bỏ dục lạc và sinh hữu; có hiểu biết về những gì không hài lòng vốn có; có tâm Từ và khéo léo.

Hoàn hảo trong tinh tấn là: Hành động thân, lời nói và ý vì lợi ích của người khác, có tâm Từ và khéo léo

Hoàn hảo trong nhẫn nại là: Chịu đựng sự nguy hại do chúng sinh mang lại và các hành. Hay tác ý “chịu đựng” xuất hiện nơi tâm với phương thức như vậy, trong khi đó sự vô sân chiếm ưu thế, có tâm Từ và khéo léo.

Hoàn hảo trong chân thật là: Không dối trá trong lời nói, được phân tích thành tránh né lời không thật, tác ý chừa bỏ nói dối ... có tâm Từ và khéo léo.

Hoàn hảo trong quyết định là: Quyết định vững chắc với việc làm có lợi ích đến người mình hay người khác, có tâm Từ và khéo léo. Hay đó là tác ý xuất hiện trong tâm với phương thức ấy.

Hoàn hảo trong Từ là: Mong muốn vì lợi ích và hạnh phúc của thế gian, có từ và khéo léo. Theo định nghĩa, đó là lòng nhân từ.

Hoàn hảo trong Xả là: Thái độ vô tư với những chúng sinh và các hành mình mong muốn cùng không mong muốn. Loại trừ sức lôi cuốn và sự ghê tởm, có từ và khéo léo.

Theo những định nghĩa này, các đặc tính, chức năng, sự hiển lộ và nhân gần của các balamật, có thể như vậy:

a- *Bố thí* có đặc tính là sự từ bỏ; chức năng là loại trừ tham luyến với những gì có thể được cho đi; hiển lộ là không bị dính mắc hay có sự thịnh vượng hoặc có sinh hữu tốt; nhân gần là cảnh có thể được từ bỏ.

b- *Giới* có đặc tính là kiềm chế bản thân (*sīlana*); kết hợp (*samādhāna*) và thiết lập (*patitṭhāna*) cũng được xem như là đặc tính của giới.

Chức năng của giới là loại trừ những hành động đồi bại hay chức năng của giới là vô tà; sự hiển lộ là trong sạch giới; nhân gần là có sự hổ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi.

c- *Xuất ly* có đặc tính là thoát khỏi dục lạc và sinh hữu; chức năng là xác minh điều không đáng hài lòng của chúng; sự hiển lộ là thoát khỏi chúng; nhân gần là “có sự tác động (*samvega*)”.

d- *Tuệ* có đặc tính là biết được bản chất thật sự (của chuỗi danh sắc) hay đặc tính hiểu biết trọn vẹn

một cách chính xác, giống như người xạ thủ tài giỏi bắn trúng mục tiêu; chức năng làm sáng tỏ cảnh giống như ngọn đèn; sự hiển lộ là không bối rối giống như người dẫn đường trong rừng; nhân gần là định hay *bốn sự thật*.

e- *Tinh tấn* có đặc tính là nỗ lực; chức năng là củng cố cho vững chắc; sự hiển lộ là không hề mệt mỏi; có dịp để đánh thức sự tinh tấn hay có sự tác động (*samvega*) là nhân gần.

f- *Nhẫn nại* có đặc tính là chấp nhận; chức năng là chịu đựng những gì yêu thích và không yêu thích; sự hiển lộ là chịu đựng hay không chống đối; nhân gần là thấy các pháp đúng theo bản chất của chúng.

g- *Chân thật* có đặc tính là không dối trá trong lời nói; chức năng là làm theo thực tế; sự hiển lộ là xuất sắc; nhân gần là trung thực.

h- *Quyết định* có đặc tính là quyết định theo các pháp trợ đạo; chức năng là vượt qua những pháp đối nghịch; sự hiển lộ là không lay chuyển trong nhiệm vụ đó; nhân gần là các pháp trợ đạo.

i- *Từ* có đặc tính thúc đẩy lợi ích (của chúng sinh); chức năng là vì lợi ích của chúng sinh hay chức năng là loại trừ sân; sự hiển lộ là tốt bụng; nhân gần là thấy được khía cạnh tốt của chúng sinh.

k- *Xả* có đặc tính thúc đẩy khía cạnh quân bình; chức năng là nhìn các pháp một cách vô tư; sự hiển lộ là làm giảm bớt sự lôi cuốn và ghê tởm; nhân gần là

quán xét thấy rằng tất cả chúng sinh có nghiệp là thai tạng.

Và ở đây nên lưu ý rằng có tâm Từ và khéo léo (kosalla) là đặc tính riêng biệt trong đặc tính của mỗi balamật - tức là buông bỏ đối với bố thí...

Với những balamật như bố thí... xuất hiện trong chuỗi tâm của Bồ tát thì luôn có tâm từ và sự khéo léo. Đó là điều làm cho chúng trở thành *pāramī* (*balamật*).

6- Duyên của balamật là gì?

Trước tiên, duyên của *pāramī* là nguyện vọng (*abhinihāra*) (xem dưới đây) được hỗ trợ bởi 8 đặc tính như vậy:

- Ta sẽ vượt qua những gì phải vượt qua.
- Thoát khỏi những gì phải thoát khỏi.
- Chế ngự được những gì phải chế ngự.
- Bình tĩnh trước những gì phải bình tĩnh.
- An ủi những gì phải an ủi.
- Đạt được nípbàn.
- Làm trong sạch những gì phải làm trong sạch.
- Giác ngộ những gì phải giác ngộ.

Đây là duyên cho tất cả các *pāramī*, không có trường hợp ngoại lệ.

Tám đặc tính để thành tựu được nguyện vọng, hay để được Đức Chánh giác thọ ký là: Là người, là người nam, có nhân, có Đức Phật Chánh giác xuất hiện, xuất gia, đạt được các ân đức cao thượng, thực hiện việc lành cao tốt (*adhikāra*) và có chí nguyện mạnh mẽ (Bv. IIA, v. 59).

1'- Ở cõi người (*manussatta*): Nguyện vọng của Bồ tát chỉ được thành tựu khi là nhân loại mà không phải là rồng (*nāga*) hay kim xí điều (*supaṇṇa*)... Tại sao?

Vì những trạng thái khác không tương ứng với trạng thái của Đức Phật (Đức Chánh giác luôn xuất hiện ở cõi nhân loại).

2'- Là người nam (*lingasampatti*): Với những ai là người nhân loại, chí nguyện chỉ thành tựu khi được làm người nam, không phải là người nữ, thái giám, người trung tính hay người lưỡng tính. Tại sao?

Với lý do nói ở trên (tức là do Đức Phật luôn là người nam) và do không thực hiện được những đặc tính đòi hỏi (trong những trường hợp khác).

Như: “Này các Tỳkhu, không thể có chuyện một người nữ có thể trở thành Phật Chánh Đẳng Giác.” (A. i. 28).

3'- Có nhân (*hetu*): Là thành tựu được các duyên hỗ trợ cần thiết. Thậm chí, chí nguyện chỉ thành tựu cho người có các duyên hỗ trợ cần thiết, cho những ai thành tựu được nền tảng nhân cần thiết.

4'- *Có Đức Phật Chánh giác xuất hiện (satthāradassana)*: Nguyên vọng chỉ thành tựu khi được Đức Chánh giác đang hiện tiền thọ ký.

Chí nguyện sau khi Đức Phật Nípàn - trước bảo tháp, dưới cội bồ đề, trước ảnh Phật, khi có mặt Đức Phật Độc Giác hay các vị đệ tử của Đức Phật, đều không thành tựu. Tại sao?

Vì người nhận thiếu năng lực cần thiết để được thọ ký.

Chí nguyện chỉ thành tựu khi ước nguyện trước mặt các vị Phật Chánh giác vì các Ngài có đủ năng lực thích ứng với sự cao thượng của lời ước nguyện.

5'- *Xuất gia (pabbajjā)*: Sự thọ ký thành bậc Chánh giác trong tương lai chỉ có cho người ước nguyện khi vị ấy bậc xuất gia, đó là vị tỳkhưu hay vị ẩn sĩ tin vào nghiệp và tác động thiện của nghiệp; Sự thọ ký thành Phật Chánh giác tương lai không có cho người tại gia cư sĩ. Tại sao?

Vì ở tại gia thì không tương ứng với Đức Phật (chính Ngài là bậc xuất gia). Vị Bồ tát (kiếp cuối) chỉ giác ngộ sau khi xuất gia, không phải lúc còn tại gia, do vậy, chỉ có những ai xuất gia, có những phẩm chất thích hợp mới được Đức Chánh giác thọ ký.

6'- *Đạt được những ân đức cao thượng (guṇasampatti)*: Là thành tựu được các tầng thiền định và các thắng trí (*abhiññā*).

Sự thọ ký chỉ có với bậc xuất gia và vị ấy phải thành tựu 8 thiền chứng (*samāpatti*) cùng 5 thắng

trí⁽¹⁾. Tại sao? Vì khi không có những phẩm chất này thì không thể tu tập được các balamật, khi vị ấy có những duyên hỗ trợ cần thiết này, sau khi được thọ ký, có thể tự tu tập các balamật.

7'- *Có sự cống hiến (adhikāra)*: Khi đã có những phẩm chất nói trên, sự thọ ký chỉ có vào thời điểm vị ấy có sự cống hiến mạnh mẽ cho Đức Phật, vị ấy chấp nhận từ bỏ ngay cả chính mạng sống của mình cho Ngài.

8'- *Có ước vọng mạnh mẽ (chandatā)*: Là khao khát thực hiện ước vọng trong sạch này. Người có được những phẩm chất nói trên, phải có mong ước mạnh mẽ, khao khát và duy trì những phẩm chất tốt đẹp của vị Bồ tát; chỉ khi đó ước nguyện của vị ấy mới được Đức Chánh giác thọ ký.

Những ví dụ sau minh chứng cho tầm quan trọng ước vọng mạnh mẽ:

- Nếu vị ấy nghe rằng: “Vị Bồ tát muốn thành tựu ước nguyện Chánh giác, khắp thế gian này toàn là nước, vị ấy phải lội trên đó bằng chính đôi tay của mình để sang bên kia bờ”; vị ấy không cho rằng điều đó thật khó khăn mà còn tràn đầy mong muốn làm được điều đó với ý chí mạnh mẽ, không hề bị lung lay.

⁽¹⁾- Tám thiện chứng là bốn thiện Sắc giới và bốn thiện Vô sắc giới. Năm thắng trí được thảo luận ngắn gọn trong phần tu tập về tuệ balamật.

- Nếu vị ấy nghe rằng: “Vị Bồ tát muốn thành tựu ước nguyện Chánh giác, là người phải đi khắp thế gian, toàn là than lửa hồng nóng rực bằng chính đôi chân trần, để đến bờ kia”; vị ấy không cho rằng điều đó thật khó khăn mà còn tràn đầy mong muốn làm được điều đó với ý chí mạnh mẽ, không hề bị lung lay.

- Nếu vị ấy nghe rằng: “Vị Bồ tát muốn thành tựu ước nguyện Chánh giác, là người phải bước trên những mũi gươm sắc nhọn phủ đầy khắp thế gian, để vượt đến bờ kia”...

- Nếu vị ấy nghe rằng: “Vị Bồ tát muốn thành tựu ước nguyện Chánh giác, là người phải đi khắp thế gian này, nơi đã trở thành một khu rừng với những dây leo đầy gai, với bụi cây tre cứng, để vượt qua đến bờ kia”...

- Nếu vị ấy nghe rằng: “Vị Bồ tát muốn thành tựu ước nguyện Chánh giác, là người phải chịu hành hình trong địa ngục suốt 4 A tăng kỳ và 100000 kiếp trái đất”; vị ấy không cho rằng điều đó thật khó khăn mà còn tràn đầy mong muốn làm được điều đó với ý chí mạnh mẽ, không hề bị lung lay.

Đó là tâm quan trọng của nguyện vọng mãnh liệt.

Chí nguyện này khởi lên nơi tâm (cittuppāda) cùng với 8 yếu tố của người có được tám yếu tố ấy.

Tám yếu tố này có:

- Đặc tính là: Giải quyết đúng đắn để đạt được giác ngộ tối cao.

- Chức năng là: Khao khát: “Ồ, mong sao được chứng đạt giác ngộ tối cao và đem hạnh phúc và an lạc đến cho tất cả chúng sinh”.

- Sự hiển lộ là: Gốc rễ cho các pháp trợ đạo.

- Nhân gần là: Tâm đại bi hay thành tựu được những duyên hỗ trợ cần thiết.

Tám yếu tố này có cảnh “lãnh vực phi thường của chư Phật, một lãnh vực không thể thấu hiểu hết” và “lợi ích của toàn bộ thế giới chúng sinh vô cùng tận”; nên tám yếu tố này được xem là cao thượng nhất, tuyệt vời nhất và phước báu xuất chúng, có uy lực vô cùng tận, là nguồn cội của tất cả các phẩm chất của vị Bồ tát.

Đồng thời bậc Đại nhân làm tăng trưởng các phẩm chất tốt đẹp của 8 yếu tố ấy, để thành tựu “con đường của bậc Đại giác (*mahābodhiyānapaṭipatti*)”. Ngài chỉ có một con đường, không có con đường nào sai khác được, do vậy Ngài được gọi là Bodhisattvā (Bồ tát). Tâm Ngài hoàn toàn gắn liền với việc hoàn tất sự giải thoát của bậc Chánh giác và khả năng của Ngài là để tu tập các pháp trợ đạo.

Vì khi được thọ ký, bậc Đại nhân suy nghiệm đúng đắn tất cả các balamật với tuệ tự hiểu biết rõ ràng, đó là điềm báo trước sự thành tựu Chánh giác trong tương lai. Và tiếp theo các Ngài thực hiện các

balamật theo trình tự, như bậc trí Sumedha đã làm sau khi được thọ ký.

Tương tự, tâm đại bi (*mahākaruṇā*) và trí thiện xảo (*upāyakosalla*) cũng là duyên cho các balamật.

Ở đây, “thiện xảo” là tuệ biến đổi bổ thí (và chín balamật kia) thành các pháp trợ đạo.

Nhờ có tâm đại bi, bậc Đại Nhân tự hiến dâng mình làm việc không ngơi nghỉ vì lợi ích của người khác mà không quan tâm đến hạnh phúc của chính mình, không lo sợ bất kỳ khó khăn nào.

Và bản chất của các vị ấy là: “Mang lợi ích và hạnh phúc đến cho chúng sinh”, thậm chí vào những lúc chỉ nhìn thấy, nghe hay tưởng tượng, vị ấy luôn mong chúng sinh được hạnh phúc.

Nhờ tuệ thiện xảo, các vị Bồ tát tự hoàn thiện phẩm chất của một vị Phật.

Nhờ tâm đại bi, Ngài dẫn người khác vượt qua cái khổ, nhờ tuệ thiện xảo Ngài hiểu được cái khổ của người khác.

Nhờ tâm đại bi Ngài cố gắng làm giảm đau khổ của họ, nhờ tuệ thiện xảo Ngài thấu đáo cái khổ.

Nhờ tâm đại bi Ngài chấp nhận khổ, nhờ tuệ thiện xảo Ngài mong muốn chúng đạt níp bàn.

Nhờ có tâm đại bi nên Ngài còn ở trong thế gian, nhờ tuệ Ngài không thích thú thế gian.

Nhờ tuệ Ngài diệt trừ tất cả các dính mắc, nhưng vì tuệ đồng hành với bi nên Ngài không bao giờ

ngừng nghỉ trong hành động đem lại lợi ích cho người khác.

Nhờ bi, Ngài thông cảm cho tất cả chúng sinh nhưng do bi đồng hành với tuệ nên tâm Ngài không bị dính mắc.

Nhờ tuệ, Ngài thoát khỏi “Ta” và “của ta”, nhờ bi Ngài thoát khỏi lãnh đạm và chán nản.

Cũng vậy, nhờ tuệ và bi hòa hợp, Ngài trở thành người tự bảo vệ cho mình và bảo vệ cho người khác. Ngài là vị samôn cũng là bậc anh hùng, Ngài không dày vò bản thân và không dày vò người khác, thúc đẩy lợi ích của chính mình và lợi ích của người khác, là người không sợ hãi và cũng không làm người khác sợ hãi.

Nhờ tuệ Ngài có sự chế ngự khi suy xét về Pháp, nhờ bi Ngài có sự suy xét thế gian và khi suy xét về thế gian, được an ủi về đặc ân đã làm và ban đặc ân cho người khác, không có si và không có tham, hành xử có tuệ và có giới, có các lực và có các nền tảng của tự tin.

Đó là những phương cách đạt được mỗi quả balamật riêng biệt, tuệ và bi là duyên cho các balamật, đồng thời cũng là duyên cho “quyết định”.

Bốn yếu tố - nhiệt tâm, khéo léo, vững vàng và có đạo đức cũng là duyên cho các balamật. Đó là nền tảng để làm cho Bồ tát đạo sanh lên, những yếu tố này được gọi là “*buddhabhūmiyo - Phật vực*”.

Ở đây, “nhiệt tâm” (*ussāha*) có nghĩa là tinh cần, cố gắng đạt được các pháp trợ đạo. “Khéo léo” (*ummaṅga*) là tuệ ứng dụng một cách thông thạo vào các pháp trợ đạo. “Vững vàng” (*avatthāna*) là quyết định, một quyết định không thay đổi. “Có đạo đức” (*hitacariyā*) là phát triển từ và bi.

Ngoài ra, còn có các duyên khác như – khuynh hướng xuất ly, độc cư, vô tham, vô sân, vô si và từ bỏ.

Đối với các vị Bồ tát, Ngài thấy được khổ trong đời sống tại gia và dục lạc; các Ngài có khuynh hướng xuất ly.

Thấy được khổ trong sự đồng hành, các Ngài có khuynh hướng độc cư.

Thấy được khổ trong tham, sân và si, các Ngài có khuynh hướng vô tham, vô sân và vô si.

Thấy được khổ trong tất cả các sinh hữu, các vị Bồ tát có khuynh hướng từ bỏ các sinh hữu.

Do vậy, sáu khuynh hướng này của các vị Bồ tát cũng là các duyên cho các balamật.

Vì các balamật không sinh lên khi không thấy được nguy hiểm của tham, sân, si và sự cao thượng của vô tham, vô sân và vô si.

Khuynh hướng vô tham là tâm hướng về sự từ bỏ tham, vì Bồ tát thấy được sự cao thượng của vô tham.

Khuynh hướng vô sân là tâm hướng về sự từ bỏ sân, vì Bồ tát thấy được sự cao thượng của vô sân

Khuynh hướng vô si là tâm hướng về sự từ bỏ si, vì Bồ tát thấy được sự cao thượng của vô si.

Lại nữa, các vị Bồ tát có sự quán xét sự nguy hại đối với các pháp nghịch của balamật, đồng thời thấy được lợi ích của các balamật, Ngài có khuynh hướng thoát ra các nghịch pháp, đó cũng là duyên để tu tập balamật.

Do thấy được nguy hại của keo kiệt, nên Bồ tát thực hành hạnh bố thí.

Do thấy được nguy hại của phá giới, nên Bồ tát thực hành hạnh trì giới.

Do thấy được nguy hại của dục lạc và đời sống tại gia, nên Bồ tát thực hành hạnh xuất ly.

Do thấy được nguy hại của si và phóng dật, nên Bồ tát thực hành hạnh trí tuệ.

Do thấy được nguy hại của lường biếng, nên Bồ tát thực hành hạnh tinh tấn.

Do thấy được nguy hại của sự không nhẫn nại, nên Bồ tát thực hành hạnh nhẫn nại.

Do thấy được nguy hại của lời nói dối trá, nên Bồ tát thực hành hạnh chân thật.

Do thấy được nguy hại của sự thiếu quyết định, nên Bồ tát thực hành hạnh quyết định.

Do thấy được nguy hại của sân, nên Bồ tát thực hành hạnh Từ.

Do thấy được nguy hại của sự thăng trầm nơi thế gian, nên Bồ tát thực hành từ xuất ly cho đến hạnh xả bỏ.

Khi quán xét được sự nguy hại trong các pháp đối nghịch của balamật và lợi ích khi tu tập pháp balamật. Đó là duyên cho các balamật.

Tức là đối với bố thí balamật, nguy hại là keo kiệt và lợi ích là sự từ bỏ... Đây là phương pháp quán xét. Quán xét ra sao?

1- *Bố thí balamật*: Nên quán xét như vậy: “Những tài sản như ruộng, đất đai, vàng thỏi, vàng miếng, gia súc, trâu, gia nhân, con cái, vợ... đem đến thật nhiều nguy hại cho những ai dính mắc với chúng. Chúng khơi dậy lòng tham nên được nhiều người mong muốn, chúng có thể bị vua tịch thu, bị trộm cắp, bị tranh chấp và có kẻ thù.

Chúng không có thực chất để tự bảo vệ khi phải tranh đấu với người. Khi chúng bị tiêu hoại, sẽ mang đến sầu khổ cho những ai dính mắc với chúng.

Do bị dính mắc với chúng nên tâm bị những bợn nhơ của keo kiệt và kết quả là người đó bị tái sinh vào khổ cảnh.

Nói cách khác thì khi từ bỏ được những thứ ấy, là đi được một bước đến sự an toàn. Ta nên từ bỏ chúng một cách vô tư”.

Khi có một người đến hỏi xin vật gì đó, vị Bồ tát thường quán xét: “Người này là bạn thân của ta vì gìn giữ bí mật cho ta”. Hay “người này là thầy ta vì đã

dạy ta, ta hãy giúp thầy để trả ân thầy đã dạy ta”.... Đây là cách quán xét với người thân.

Đối với người không thân, Bồ tát quán xét: “người này giúp ta mang tài sản từ thế giới này sang thế giới khác, giống như một ngôi nhà đang cháy, người này giúp ta mang tài sản ra khỏi ngôi nhà đang cháy; cũng vậy thế giới này đốt cháy ta bằng ngọn lửa tham lam, khi ra đi ta chẳng mang theo được gì, người này đang giúp ta mang tài sản sang thế giới khác, người này là bạn đồng hành tốt của ta; người này giúp ta thoát khỏi phiền muộn. Người này là bạn tốt nhất của ta vì giúp ta thực hiện được việc bố thí cao thượng, giúp ta thực hiện thành tựu được điều cao thượng và khó khăn nhất trong tất cả các điều thành tựu, đạt đến phẩm vị Phật Chánh giác”.

Cách quán xét khác của vị Bồ tát là: “Người đời đã tán thán ta “là bậc hiền nhân”; do vậy ta nên nhận biết điều tán thán một cách đúng đắn”. Hoặc “cuộc đời này có giới hạn, vậy ta nên ban phát rộng rãi, thậm chí khi không được hỏi xin thì ta cũng cho, khi được hỏi ta hãy cho nhiều hơn cái được hỏi”.

Hay: “Những ai có tính cao thượng thường tìm người để cho, nhưng người này tự nguyện đến chỗ ta, người này đến vì phước của ta”. Hay “tặng quà cho người xin sẽ mang lại lợi ích cho ta và người đó”. Hoặc “như ta mong có lợi ích cho chính mình, ta cũng nên mang lại lợi ích cho toàn thể gian”. Hoặc “nếu không có người nào xin thì làm sao ta tu tập được pháp bố thí?”. Hoặc: “Mọi thứ ta có được chỉ để

cho người khác”. Hay: “Khi nào người thọ nhận vật thí của ta mà không cần phải hỏi xin ta?” ; “Làm thế nào ta có thể trở nên thân thiết và dễ chịu với những người thọ nhận vật thí? Làm thế nào, người thọ thí thân thiết và dễ chịu với ta? Làm thế nào, sau khi bố thí ta cảm thấy phấn chấn, hân hoan, tràn đầy hỷ lạc? Và làm thế nào, người nhận vật thí cũng được như vậy? Làm thế nào, sự bố thí của ta có thể trở nên cao quý? Làm thế nào, ta có thể cho mà không cần phải đòi họ xin? Làm thế nào, ta có thể biết được mong muốn trong tâm của họ?”.

Hay Bồ tát suy nghĩ: “Có phải ta đã xem tài sản này là của chung chăng? Họ đã đến xin, không cho họ, đó là sự tự lừa đảo lớn đối với ta”. Và: “Làm thế nào, ta có thể lìa bỏ thân thể, ngay cả mạng sống này cho những ai đến hỏi xin ta?”...

Các vị Bồ tát thường khởi dậy lòng mong muốn bố thí mà không lo lắng khi quán xét: “Điều tốt trở lại với những ai cho đi mà không lo lắng, như cái bumơrang (vật khi ném đi tự quay trở lại chỗ người ném - Nd)⁽¹⁾ quay lại chỗ người ném mà không cần người đó điều khiển”.

Lại nữa, nếu người thân hỏi xin cái gì, vị ấy khởi lên sự hoan hỷ khi quán xét: “Người thân hỏi xin ta, ta nên cho để tình thân càng thân”.

⁽¹⁾ *Kittika*. Không có nghĩa nào trong từ điển thích hợp với nội dung.

Nếu người không thân hỏi xin cái gì, vị ấy khởi lên sự hoan hỷ khi quán xét: “Nếu ta cho, chắc chắn người này sẽ trở thành bạn của ta, nhờ vật thí ta sẽ có được cảm tình của người đó”.

Và nếu kẻ thù hỏi xin cái gì, vị ấy hoan hỷ một cách đặc biệt, khi nghĩ: “Kẻ thù của ta đã hỏi xin, khi nhận được món quà này, chắc chắn người này trở thành bạn của ta, không còn là kẻ thù của ta nữa”.

Vì thế, vị Bồ tát khởi lên tâm Từ tâm Bi trước tiên đối với người không thân, kẻ thù, rồi bố thí cho họ như cho người thân.

Do năng lực tham ngũ ngẫm khởi lên với thân thể, vị mong trở thành Bồ tát nên quán xét: “Này, bậc thiện nhân, có phải người nguyện được giải thoát trọn vẹn chăng? Vì sao người không dám từ bỏ xác thân này cũng như phước báu có được để giúp đỡ tất cả chúng sinh? Dính mắc với các đối tượng này, giống như dính mắc nơi tấm của voi; do vậy, người không nên dính mắc với điều gì cả”.

Giả sử như có một cây thuốc lớn và ai đó cần gốc thì lấy gốc; ai cần cành non, vỏ, thân, nhánh, lõi, lá, hoa hay quả thì lấy cành non, vỏ, thân... cây thuốc không hề nghĩ: “Họ đang lấy đi tài sản của ta”. Cũng vậy, khi nỗ lực vì lợi ích của thế gian, ta không nên khởi lên những tà ý vi tế nhất về cái thân không trong sạch, đầy đau khổ và bạc bẽo này, cái thân ta nên vì người khác. Và ngoài ra, có sự khác biệt nào giữa các thành phần vật chất bên trong (thân) và các thành phần vật chất bên ngoài (thế gian)? Cả hai đều bị vô

thường, phân tán và hủy hoại. “Đây là ta”, “đây là của ta”, “đây là tự ngã của ta”, đó là chuyện tâm phào, gây bối rối. Ta không nên quan tâm đến tay, chân, mắt, thịt của ta nữa, đó chỉ là những vật chất bên ngoài. Thay vào đó, ta nên khởi lên ý nghĩ “hãy để cho những ai thích chúng, hãy lấy chúng đi”.

Khi quán xét như vậy, với quyết tâm giải thoát trọn vẹn, nên không còn bận tâm về thân thể hay mạng sống thì các nghiệp thân, khẩu và ý sẽ dễ dàng được trong sạch đầy đủ.

Khi nghiệp thân, khẩu và ý được trong sạch, vị ấy tu tập đúng đắn và nhờ thiện xảo với được và mất, vị ấy có thể mang lợi ích đến cho tất cả chúng sinh, thậm chí còn to lớn hơn việc từ bỏ các quà tặng vật chất và bố thí sự không sợ hãi và bố thí chánh Pháp.

Đây là phương pháp quán xét về bố thí balamật.

2- *Giới balamật*: nên quán xét như sau:

- Ngay cả nước sông Hằng cũng không thể rửa sạch được nhơ bẩn của sân, nhưng nước giới thì có thể được.

- Ngay cả gỗ chiên đàn vàng cũng không thể làm giảm đi cơn sốt của tham - sân, nhưng giới thì có thể loại trừ cơn sốt ấy.

- Giới là vật trang sức duy nhất của thiện, hơn cả những đồ trang sức của người thường như vòng cổ, vương miện, hoa tai....

- Giới là mùi hương thơm ngát ngọt ngào hơn cả hương trầm, hương của giới lan tỏa tất cả các hướng và luôn luôn ở khắp nơi; có sức hút thần kỳ, được chư thiên, các bậc khattiya (satđēly)... coi trọng.

- Giới là chiếc thang đi đến thế giới chư thiên, đến cõi trời của Tứ Đại Thiên Vương⁽¹⁾..., là phương tiện để đắc thiên và thăng trí; là đại lộ dẫn đến đô thị lớn Nípban; là nền tảng giác ngộ cho các vị Thánh Alahán, Đức Phật Độc giác và Phật Chánh giác. Và vì là phương tiện để thành tựu được tất cả những ước nguyện của mỗi người, nên giới vượt trội hơn cây như ý”.

Nên quán xét giới là nền tảng của hỷ và lạc. Vì hỷ lạc sinh lên sau khi quán xét về sự thành tựu giới của chính mình: “Ta vừa làm xong điều trong sạch, ta vừa làm xong điều tốt, tự ta là chỗ trú không sợ hãi”.

Người có giới không lo sợ bị tự chỉ trích, cũng không sợ bị bậc trí chỉ trích.

Có giới không bị trừng phạt theo luật hình thế tục trong hiện tại, cũng không bị rơi vào khổ cảnh sau khi chết.

Giới được bậc trí tán thán. Giới là cội rễ cho giải thoát khỏi hối hận, sự hối hận chỉ sinh lên ở người không có giới, khi nghĩ: “Ta phạm phải nghiệp ác, xấu xa và tội lỗi”

⁽¹⁾- Cõi đầu tiên và thấp nhất trong sáu cõi trời Dục giới trong vũ trụ quan của Phật Giáo.

Giới là nền tảng của an toàn, là nền tảng của an lạc và là một phương tiện để thành tựu những lợi ích to lớn như ngăn ngừa, không bị mất tài sản....

Tu tập giới được tái sinh vào gia tộc cao quý như Khattiya (Sátđêly - giòng vua chúa), người không có giới, sẽ có giòng dõi thấp kém, có nơi tái sinh đau khổ.

Giới cho có tài sản vật chất vì không thể bị trộm cắp, tài sản này theo người đó đến thế giới bên kia.

Giới cho quả báu lớn vì là nền tảng cho thiên định, thăng trí...

Và nhờ giới, chúng sinh có thành tựu quả vị tương ứng của mình⁽¹⁾.

Thậm chí giới còn vượt trội với cuộc sống, vì “sống một ngày có giới còn tốt hơn sống trăm năm không có giới” (Dhp. 110); và sống không tu tập giới (trong đời sống phạm hạnh), xem như chết rồi (tâm linh).

Giới cho sắc đẹp vì giới làm cho người đẹp thậm chí đối với kẻ thù và giới không thể bị tuổi tác hay bệnh tật lấn át.

Giới là nền tảng để làm nổi trội các trạng thái hạnh phúc, giới cho những chỗ ngụ tốt đẹp nổi trội như cung điện, đền đài... và những vị trí cao trong xã hội như vua, hoàng tử hay quan tướng.

⁽¹⁾- Âm chỉ các tầng thánh quả như: Dự lưu, Nhất lai, Bất lai và Alahán.(Nd)

Do giới thúc đẩy lợi ích cao nhất của một người và theo người đó đến thế giới bên kia, nên giới là thân quyến tốt nhất, vượt qua cả người thân và bạn bè, thậm chí những ai thân thuộc.

Lại nữa, khi thực hiện nhiệm vụ khó khăn tự bảo vệ mình, giới nổi trội hơn cả đoàn tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh, cũng như với các công cụ khác. Giới vượt trội hơn các câu thần chú, bùa mê, kinh phúc chúc, vì giới phụ thuộc vào chính mình, không phụ thuộc vào người khác và có sức ảnh hưởng to lớn. Do vậy, có nói rằng: “Pháp bảo vệ người hành Pháp” (Thag. 303).

Khi quán xét như vậy với nhiều phẩm chất cao thượng của giới, sự thành tựu giới chưa thực hiện sẽ được thực hiện và giới chưa trong sạch sẽ được làm cho trong sạch.

Do năng lực của sân ngủ ngầm, nếu các trạng thái đối nghịch với giới như sự ác cảm sinh lên chậm chạp, Bôttát quán xét: “Người không quyết định chứng đạt Giác ngộ trọn vẹn đủ hay sao? Người phạm giới thì thậm chí còn không thể thành công trong lãnh vực trần thế, còn nói gì đến lãnh vực Siêu thế chứ?. Người nên đạt đến đỉnh cao của giới, vì giới là nền tảng để giác ngộ siêu phàm, tối thắng trong tất cả mọi sự thành tựu. Người nên luôn đối xử tốt, giữ giới hoàn hảo, còn cẩn thận hơn con gà mái bảo vệ trứng của mình.

Hơn nữa, khi giảng Pháp để giúp chúng sinh thành tựu, đạt đến độ chín muồi trong ba phương

thức (yāna- xem trang 1-2); nhưng lời của người không giữ giới thì không đáng tin cậy, như phương thuốc của vị bác sĩ không cân nhắc loại nào thích hợp với bệnh nhân của mình. Làm thế nào, ta có thể trở nên đáng tin cậy để có thể giúp chúng sinh thành tựu, đạt đến độ chín muồi trong ba phương thức? Ta phải có giới trong sạch.

Làm thế nào, ta có thể chứng đạt thiên, thắng trí, để có thể giúp đỡ người khác và tu tập tuệ balamật? Những điều thành tựu như thiên... không thể đạt được nếu không có giới trong sạch. Do vậy, giới nên được trong sạch hoàn hảo”.

3- *Xuất ly balamật*: Trước tiên, nên nhận thức được sự khổ trong đời sống tại gia theo lời dạy của Đức Phật: “Đời sống tại gia đầy phiền phức, một con đường đầy bụi bặm”... (D. i. 63); thấy được cái khổ trong dục lạc theo câu: “Dục lạc giống như khúc xương”... (M. i. 364) và khổ trong ái dục theo câu: “giả sử như người mượn tiền và làm việc”... (D. i. 63). Đây là phần ngắn gọn.

Nói chi tiết thì nên quán xét các câu kinh như “Đồng khổ” (M. i. 83-90) hay “Ví dụ về những con rắn độc” (S. iv. 172-75).

4- *Tuệ balamật*: Nên quán xét các tính chất cao thượng của tuệ như sau:

-Không có tuệ, những balamật như bố thí, trì giới... sẽ không trong sạch và không thể thực hiện được những chức năng tương ứng, ví như không có thân thì cơ thể mất đi vẻ lộng lẫy, không thể làm

được những hành động thích hợp. Hay ví như “không có tâm thì các quyền không thể làm được các chức năng của chúng trong các cảnh tương ứng”; cũng vậy, không có tuệ thì các quyền như tín, tấn, niệm, định ... không thể thực hiện được những chức năng của mình.

- Tuệ là nhân chủ yếu để tu tập các balamật khác, vì khi tuệ nhãn mở ra, các vị Bồ tát thậm chí còn cho đi cả chân tay và cơ thể mình mà không hề tán dương mình và chê bai người khác. Giống như những cây thuốc cho đi mà không phân biệt cách đối xử của người nhận, tâm các Ngài tràn đầy hoan hỷ cả ba thời⁽¹⁾.

- Với tuệ, hành động từ bỏ, sự tinh tấn, sự thiện xảo và sự tu tập vì lợi ích của người khác, đạt được các balamật; mà bố thí vì chính lợi ích của người đó giống như một sự đầu tư.

- Lại nữa, không có tuệ, giới không thể thoát khỏi các ô nhiễm (āsava) như tham, tà kiến, si mê. Do vậy, thậm chí Giới còn không thể được trong sạch, hướng chỉ các pháp làm nền tảng cho các phẩm chất của vị Phật Chánh giác.

- Chỉ có bậc trí mới nhận biết rõ ràng khổ trong đời sống tại gia, trong dục lạc, trong vòng luân hồi và thấy được những lợi ích của xuất gia, đắc thiền, chứng đạt涅槃; và vị ấy xuất gia sống không nhà,

⁽¹⁾- Hoan hỷ trước khi cho, trong khi cho và sau khi cho (Nd).

tu tập thiền và hướng tới Nípàn, thiết lập những điều khác ở đây.

- Tinh tấn mà không có tuệ thì không đạt được mục đích mong muốn vì sẽ tác ý sai và thà không khởi lên tinh tấn gì cả còn tốt hơn là làm sai. Nhưng khi tinh tấn có tuệ thì không có gì không thể thực hiện được nếu có các phương thức thích hợp.

- Lại nữa, chỉ có bậc trí mới có thể kiên nhẫn chịu đựng được sự sai trái của người khác, người không có trí thì không. Với người thiếu trí, sai trái của người chỉ làm khiêu khích sự mất kiên nhẫn; còn đối với bậc trí, các vị ấy có thể kiên nhẫn và thậm chí còn làm cho sự kiên nhẫn của mình được lớn mạnh hơn.

- Khi hiểu được ba Đế,⁽¹⁾ nhân và các pháp đối nghịch thì không bao giờ nói dối với người khác.

- Khi có tuệ, bậc trí có quyết định vững chắc để tu tập tất cả các balamật.

- Chỉ có bậc trí mới thiện xảo trong hành động vì lợi ích của tất cả chúng sinh mà không có sự phân biệt người thân, người không thân và kẻ thù.

- Và chỉ nhờ tuệ thì bậc trí mới thản nhiên đối với sự thăng trầm của thế gian như được, mất, khen chê..., không bị chúng làm dao động tâm.

⁽¹⁾ -Không có Đế thứ ba là “sự diệt khổ”, vị Bồ tát chỉ nhận biết trực tiếp : khổ đế, tập đế và bát chánh đạo.

Theo đó, nên quán xét về các đặc tính cao thượng của tuệ và xem đó là nhân làm trong sạch tất cả các pháp balamật.

Hơn nữa, không có tuệ thì không thành tựu được sự tưởng niệm và giới không trong sạch. Không có giới và sự tưởng niệm thì không thể thành tựu được định và không có định thì thậm chí không thể bảo vệ được lợi ích của chính mình huống chi là vì lợi ích của người khác.

Do vậy, khi tu tập vì lợi ích của người khác, vị Bồ tát nên tự nhắc nhở mình: “Người có nỗ lực để làm trong sạch tuệ chưa?” Vì qua năng lực của tuệ các bậc Đại nhân có được bốn nền tảng tạo lợi ích cho thế gian, giúp chúng sinh bước vào đạo lộ giải thoát, làm cho các quyền của họ được chín muồi.⁽¹⁾

Lại nữa, nhờ năng lực của tuệ, các vị ấy mới quán xét về các uẩn, các giác quan như mắt, tai..., hiểu rõ ràng các quá trình sinh diệt theo thực tế, đồng thời phát triển các đặc tính tốt đẹp của bố thí, trì giới, xuất gia..., đạt đến đỉnh cao và hoàn thiện pháp học của các vị Bồ tát.

Do vậy, nên tăng cường hoàn thiện tuệ bằng cách xác định các phẩm chất cao thượng của tuệ với nhiều phương thức và các chi phần.

5- *Tinh tấn balamật*: Nên quán xét như vậy:

⁽¹⁾- Về bốn nền tảng, hãy xem phần 12.

- Không có tinh tấn thì thậm chí không thể đạt được sự thành công trong các công việc thế gian, không thể có được kết quả tốt nhất. Nhưng người có nỗ lực không mệt mỏi, không có gì không đạt được.

- Người không có tinh tấn thì không thể cứu mình, còn nói gì đến sự giúp được chúng sinh ra khỏi dòng luân hồi rộng lớn. Thậm chí nếu tinh tấn của vị ấy chỉ ở mức độ vừa phải thì vị ấy sẽ từ bỏ nửa chừng; nhưng có tinh tấn thì có thể hoàn thành được tất cả những gì cần phải hoàn tất, thực hiện được những gì cần phải thực hiện”.

Nên quán xét hơn nữa về các phẩm chất cao thượng của tinh tấn như sau:

- Thật đúng đắn khi tự mình thoát khỏi khổ luân hồi bằng chính năng lực tinh tấn. Khi còn là kẻ phạm tục, si mê thì khó kèm chế các ô nhiễm (āsava), như khó kèm chế đoàn voi điên. Các ô nhiễm này như những tên sát nhân với thanh gươm trần bén nhọn đang chờ ta, chúng tạo ra những ác - bất thiện nghiệp, nơi đến của các ác - bất thiện nghiệp này là vùng khổ cảnh với những cánh cửa luôn mở rộng đang chờ ta. Những ô nhiễm ấy là những người bạn ác, đang ở trong những nghiệp xấu xa ấy, họ xúi giục ta thực hành những nghiệp ác ấy.

Và: “Chỉ có thể thành tựu giác ngộ trọn vẹn mới thoát ra khỏi chúng, điều khó khăn ở đây là gì? Đó là sự tinh tấn.”

6- *Nhẫn nại balamật*: Nên quán xét như sau:

- Nhẫn nại là vũ khí sắc bén cắt đứt chướng ngại sân, giúp người tốt phát triển các phẩm chất cao thượng, vì sân là pháp đối nghịch của tất cả các phẩm chất cao thượng, nhẫn nại thiêu đốt tất cả căn bản của sân.

- Nhẫn nại là vật trang điểm cho những ai có khả năng đánh bại được kẻ thù; là sức mạnh của các Samôn, Bàlamôn; là dòng nước dập tắt ngọn lửa sân; là nền tảng để có danh tiếng tốt; là câu thần chú để khắc chế lời độc ác của kẻ ác.

- Nhẫn nại là biển sâu vì có tính mát lạnh; là bờ biển ngăn chặn nước sân; là cái chốt khóa chặt cánh cửa dẫn đến khổ cảnh; là cầu thang dẫn đến cõi chư thiên và Phạm thiên; là nơi nương cho các khuynh hướng cao thượng; là sự trong sạch cao tột của thân, khẩu và ý.

Nên củng cố nhẫn nại hơn nữa bằng cách quán xét:

- Những ai thiếu nhẫn nại thì bị khổ sở trong thế gian này và chính họ lại tạo thêm những nghiệp dẫn đến khổ cảnh trong kiếp kế.

- Với những hành động bất thiện của người khác, khiến sự khổ sinh lên nơi thân của ta, khổ này là quả của hạt giống ác nghiệp mà ta đã gieo nên, ta nên nhẫn nại đối với quả xấu của ác nghiệp đã tạo, xem như ta trả được món nợ.

- Nếu không có người làm sai trái thì làm sao ta có thể tu tập pháp nhẫn nại?.

- Dù bây giờ người đó làm điều sai trái nhưng trong quá khứ người đó là người hảo tâm của ta.

- Người làm điều sai cũng là người hảo tâm vì giúp ta có cơ hội để phát triển nhân nại.

- Tất cả chúng sinh giống như con ta. Ai lại giận dữ với những hành động bất thiện của chính con mình?

- Người đó làm điều sai trái với ta vì một số căn bã sân còn lại trong ta; ta nên loại trừ căn bã này.

- Như người đó, ta cũng đã tạo nhân cho điều sai trái, do vậy sự khổ sinh lên (ta không nên trách họ).

- Những chuỗi danh sắc đang tạo nên điều sai trái, chuỗi danh sắc khác nhận lại quả xấu của điều sai trái; các chuỗi danh sắc ấy ngay tại sátna này bị diệt đi. Vậy ta giận dữ với ai? sân này khởi lên từ ai? Khi tất cả các chuỗi danh sắc là vô ngã thì ai làm điều sai trái với ai?

Do năng lực của sân ngũ ngầm khởi lên do điều sai trái của người khác, tiếp tục tràn ngập trong tâm thì nên quán xét:

- Nhân nại là nhân tốt để giúp đỡ người khác, là điều kiện để trả lại điều sai trái của họ.

- Sự sai trái này làm khổ ta, nhưng lại là duyên cho tín sinh lên (tín nghiệp báo), hỗ trợ cho quyết định và cũng là duyên cho tuệ sinh, vì hiểu được sự bất ổn trong thế gian.

- Đây là bản chất của các quyền khi đối đầu với các cảnh tốt đẹp cùng không tốt đẹp, cảnh hài lòng cùng không hài lòng, cảnh như ý cùng không như ý. Ta có thể không đối đầu với các cảnh không toại nguyện được chăng?

- Người bị sân kiểm soát thì trở nên điên dại và mất trí, vậy tại sao lại trả thù?

- Tất cả chúng sinh được Đức Phật thương mến, như thế họ là con của Ngài. Do vậy, ta không nên giận dữ với họ.

- Khi người làm điều sai trái có những phẩm chất cao thượng thì ta không nên giận dữ với người đó. Và khi người đó không có các phẩm chất cao thượng thì ta nên đối xử với người đó bằng tâm bi.

- Sân làm giảm danh tiếng và các phẩm chất cao thượng của ta, làm kẻ thù hài lòng, ta trở nên xấu xí, ngủ bất an...

- Sân là kẻ thù thật sự vì đó là nơi xuất phát mọi nguy hại và là kẻ hủy diệt tất cả điều tốt.

- Khi nhẫn nại thì không có kẻ thù.

- Do tạo ra điều sai trái, người sẽ chịu đau khổ trong tương lai, khi nhẫn nại ta không bị đau khổ trong tương lai.

- Kẻ thù muốn ta giận dữ; khi ta chế ngự giận dữ bằng nhẫn nại thì kẻ thù cũng bị ta chế ngự.

- Ta không nên từ bỏ phẩm chất cao thượng của nhẫn nại chỉ vì một chút giận dữ. Sân là đối nghịch

và chướng ngại cho tất cả các phẩm chất cao thượng, vì vậy nếu giận dữ thì làm sao ta có thể tu tập được giới, xuất gia ...?

Và khi không có những phẩm chất cao thượng này thì làm sao ta có thể giúp đỡ người khác và đạt đến quả Chánh giác theo đúng lời nguyện của mình.

- Có nhẫn nại thì có định, nhờ có định nên thoát khỏi sự quấy nhiễu ở bên ngoài. Với tâm định, quán xét thấy được các hành là vô thường, khổ, tất cả các chuỗi danh sắc là vô ngã, quán xét Nípàn là chân đế, bất tử, yên tịnh và tối thượng.

Nhờ có định nên hiểu biết được ân đức chư Phật là vô lượng vô biên. Khi đó, có *anulomiyam khantiyam ̣hito* (thuận thứ nhẫn nại an trụ),⁽¹⁾ thấy rõ điều “ta và của ta” là không thật có, chỉ có chuỗi danh sắc tồn tại, không có ngã hay bất kỳ thứ gì liên quan đến ngã. Chúng sinh diệt theo duyên của chúng, chúng không từ bất cứ nơi nào đi đến cũng không đi đến bất kỳ nơi nào, không có cội trung gian cho chúng.

Và vị Bồ tát chỉ có một con đường dẫn đến giác ngộ, không có con đường nào sai khác, con đường ấy chính là sự nhẫn nại (kinh Pháp cú).

⁽¹⁾- *Anulomiyam khantiyam ̣hito*: chỉ trạng thái phát triển thiền quán, tại đó hành giả có thể chấp nhận các sự thật, qua nền tảng là pháp thiền đã thành tựu, nhưng chưa thấu hiểu chúng một cách trọn vẹn bằng tuệ chín muồi. Hãy xem số 6.

Đây là phương pháp quán xét về nhãn nại balamật.

7- *Chân thật balamật*: Nên quán xét như vậy:

-Không có chân thật thì không thể có giới... và không thể tu tập theo ý nguyện. Tất cả các trạng thái bất thiện đều dẫn đến không chân thật.

- Người không chân thật thì không đáng tin cậy và lời của người đó không được chấp nhận trong tương lai.

Nói cách khác, có chân thật thì có nền tảng cho tất cả các phẩm chất cao thượng; với nền tảng là chân thật, người này có thể làm trong sạch và tu tập tất cả các pháp trợ đạo. Không tự đánh lừa mình về bản chất thật sự của danh sắc, người này thực hiện các chức năng của tất cả các pháp trợ đạo và tu tập hoàn tất bồ tát đạo.

8- *Quyết định balamật*: Nên quán xét như vậy:

- Các pháp balamật sẽ không thành tựu vững chắc nếu không có quyết định thực hành.

- Các pháp balamật sẽ không thành tựu nếu không có quyết định loại trừ pháp đối nghịch của balamật.

- Các pháp balamật sẽ không thành tựu nếu không có quyết định bền bỉ, kiên cường và khi ấy các pháp là nền tảng của sự giác ngộ như bố thí, giới, xuất ly... không sanh lên.

9- *Từ balamật*: Nên quán xét như vậy:

- Chỉ vì lợi ích của chính mình mà không quan tâm đến lợi ích của người khác, thì không thể thành công trong thế gian này hay được tái sinh an lạc trong kiếp kế; như thế, không có tâm Từ thì làm sao có thể làm cho tất cả chúng sinh thành tựu Nípàn ? Và nếu muốn đưa tất cả chúng sinh đến Nípàn Siêu thế, thì nên bắt đầu mong mỏi họ được thành công.

- Bây giờ ta giúp họ bằng cách vì lợi ích và hạnh phúc của họ, sau đó họ sẽ là những người đồng hành cùng chia sẻ Pháp với ta.

- Không có những chúng sinh này, ta không thể thành tựu được các pháp trợ đạo.

Tâm từ là nhân làm hiển lộ và hoàn thiện tất cả các phẩm chất của Đức Chánh giác, những chúng sinh này là phước điền của ta để gieo trồng những cội rễ trong sạch, là nền tảng mà không một nền tảng nào có thể so sánh được, chúng sinh này là cảnh tốt đẹp đáng kính mến cao tột.

Do vậy, nên đặc biệt khơi dậy tác ý mạnh mẽ vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Và tại sao nên phát triển tâm Từ (mettā) đối với tất cả chúng sinh? Vì đó là nền tảng cho bi (karuṇā), với tâm thương xót (bi) vô lượng, hoan hỷ sẽ sinh lên khi tạo lợi ích và hạnh phúc đến các chúng sinh khác. Với tâm bi vô lượng thì mong muốn loại trừ sự đau khổ của chúng sinh, sự mong muốn này được chắc chắn và đầy năng lực.

Và tâm đại bi là phẩm chất đầu tiên trong tất cả các phẩm chất của Bồtát, là nền tảng, là cội rễ, là cao

thượng, và là chủ yếu của các phẩm chất tốt đẹp khác.

10- *Xả balamật*: Nên quán xét như vậy:

- Không có xả thì các nghiệp ác do chúng sinh tạo sẽ dao động trong tâm. Và khi tâm bị dao động thì không thể tu tập các pháp trợ đạo.

- Thậm chí khi tâm mềm đi do lòng từ, không có xả thì cũng không thể làm trong sạch được các pháp trợ đạo và không thể cống hiến các tiêu chuẩn đòi hỏi của phước cùng với quả của chúng để vì lợi ích của chúng sinh.

Hơn nữa, với ước nguyện cùng với quyết định tu tập để hoàn tất tất cả các pháp trợ đạo đều nương vào năng lực của xả. Vì thiếu xả, người có ước nguyện không thể loại trừ điều làm nhơ bẩn pháp trợ đạo, hay có nhận thức sai lầm về vật thí và người thọ thí.

- Không có xả thì không thể làm trong sạch giới, vì luôn nghĩ về các chướng ngại đối với đời sống và những nhu cầu thiết yếu của người đó.

- Xả giúp hoàn thiện năng lực xuất ly vì nhờ có xả mới vượt qua được sự bất mãn và sự hoan hỷ.

- Xả làm hoàn thiện các chức năng của tất cả các pháp trợ đạo (có tuệ) để quán xét chúng theo nhân.

Tinh tấn được khởi lên quá mức vì không được quán xét bằng xả, nó không thể thực hiện chức năng tinh tấn một cách hoàn hảo.

Nhân nại một cách kiên trì chỉ có thể có được khi người đó có xả.

Do phẩm chất của xả, người ấy thấy bản chất thật của chúng sinh hay các pháp hành.

Đối với sự thăng trầm của thế gian, có tâm xả mới có quyết định tu tập các pháp trợ đạo trở nên hoàn toàn vững vàng.

Khi người khác làm những việc sai trái, do không quan tâm đến, vị ấy an trú tâm trong tâm Từ. Do vậy, xả tuyệt đối cần thiết để tu tập tất cả các balamật khác.

Quán xét về xả balamật là vậy.

Vì thế, khi quán xét về sự nguy hại của các pháp đối nghịch và những lợi ích khi tu tập các balamật là duyên của các balamật.

6- Ô nhiễm của balamật là gì?

Nói chung, do tham lam, không sáng suốt (si mê) và hiểu sai (tà kiến) là ô nhiễm (āsava - lậu hoặc) của các balamật.

Nói riêng lẻ thì:

Những suy nghĩ (*vikappa*) sai lầm về vật thí và người thọ thí là ô nhiễm của Thí balamật.

Những suy nghĩ sai lầm về chúng sinh và thời gian là ô nhiễm của Giới balamật.

Những suy nghĩ sai lầm khi hoan hỷ trong dục lạc và sinh hữu; không hài lòng khi chúng giảm xuống là ô nhiễm của Xuất ly balamật.

Những suy nghĩ sai lầm về “ta” và “của ta” là ô nhiễm của Tuệ balamật.

Những suy nghĩ sai lầm làm sinh khởi dã dượi và phóng dật là ô nhiễm của Tinh tấn balamật.

Những suy nghĩ sai lầm về chính mình và những người khác là ô nhiễm của Nhẫn nại balamật.

Những suy nghĩ sai lầm khi tuyên bố thấy những gì chưa thấy, biết những gì chưa biết, nghe những gì chưa nghe... là ô nhiễm của Chân thật balamật.

Những suy nghĩ sai lầm khi nhận thấy những sai sót trong những pháp trợ đạo và giới trong những pháp đối nghịch của chúng là ô nhiễm của Quyết định balamật.

Những suy nghĩ sai lầm, khi bối rối giữa điều nguy hại và điều mang lại lợi ích là ô nhiễm của Từ balamật.

Và những suy nghĩ sai lầm về những điều ưa thích và không ưa thích là ô nhiễm của Xả balamật. Nên hiểu các ô nhiễm là như vậy.

7- Làm trong sạch balamật là gì?

Đó là loại trừ những ô nhiễm do tham, không sáng suốt và hiểu sai.

Vì các balamật trở nên trong sạch và chói sáng khi không bị nhơ bẩn bởi những ô nhiễm như tham,

mạn, kiến, sân, tâm ác, bôi nhọ người khác, hống hách, ghen tỵ, keo kiệt, xảo quyệt, đạo đức giả, ngoan cố, kiêu căng, rỗng tuếch, phóng túng và khi không có những suy nghĩ sai quấy về vật thí và người thọ thí...

8- Balamật đối nghịch với pháp gì?

Nói chung, balamật đối nghịch với tất cả ô nhiễm (*āsava*)⁽¹⁾ và các bản chất bất thiện.

Nói riêng ra thì:

Bố thí đối nghịch với *keo kiệt* như đề cập trước đó.

Hơn nữa, bố thí đối nghịch với tham, sân và si; vì bố thí có vô tham, vô sân và vô si đối với vật thí, người thọ thí và quả của bố thí theo tương ứng.

Giới đối nghịch với tham, sân và si; vì giới loại trừ tính *quanh co và trụy lạc* trong thân hành, khẩu hành...

Xuất ly đối nghịch với ba ô nhiễm (tham, si và kiến), vì không *bị chìm đắm trong dục lạc*, không làm hại người và sự tự hành xác.

Tuệ đối nghịch với ba ô nhiễm, như khi tham tạo ra *sự mù mờ*... , thì tuệ lại khôi phục lại tầm nhìn...

(1)- Tức là dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu ; chi pháp của dục lậu + hữu lậu là tâm sở tham; của kiến lậu là tâm sở tà kiến; của vô minh lậu là tâm sở si- Nd.

Tinh tấn đối nghịch với ba ô nhiễm và *lười nhát*; khi khởi dậy cách làm đúng đắn để thoát khỏi dã dượi và phóng dật.

Nhẫn nại đối nghịch với ba ô nhiễm và *sân*; khi chấp nhận điều ưa thích hay điều không ưa thích và sự trống rỗng.

Chân thật là pháp đối nghịch của ba ô nhiễm; vì diễn tiến theo sự thật, dù người khác có giúp hay làm nguy hại.

Quyết định là pháp đối nghịch của ba ô nhiễm; vì sau khi từ bỏ *những thắng trầm của thế gian*, quyết định vẫn không thay đổi khi tu tập các pháp trợ đạo theo cách đang làm.

Từ là pháp đối nghịch của tham, sân và si do xa lánh khỏi những chướng ngại *sân*.

Và Xả là pháp đối lập của tham, sân, si khi loại trừ *sự thích thú và kinh tởm* đối với những cảnh ưa thích hay không ưa thích tương ứng và cân bằng tâm trong nhiều hoàn cảnh.

9- Thực hành balamật như thế nào?

a- *Bố thí balamật*: Được tu tập trước tiên để mang lại lợi ích cho chúng sinh theo nhiều cách; tức là từ bỏ hạnh phúc, tài sản, thân thể và cuộc sống của chính mình cho người khác; xua tan đi nỗi sợ hãi của họ và hướng dẫn họ theo pháp.

Ở đây, bố thí có ba theo cảnh bố thí: Bố thí tài sản (*āmisadāna*), bố thí không sợ (*abhayaadāna*) và bố thí pháp (*dhammadāna*).

1'- *Bố thí tài sản.* Tài sản này có hai loại: Bên ngoài và bên trong.

- *Vật thí bên ngoài* có 10 là: vật thực, nước uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, nước thơm, thuốc bôi, chỗ nghỉ, chỗ ngụ và đèn.

Lại nữa, những vật thí này đa dạng khi phân tích mỗi loại ra thành những thành phần của nó như vật thực thì có vật thực loại cứng, loại mềm...

Vật thí bên ngoài cũng có thể có sáu khi phân tích theo cảnh (*ārammaṇato*): sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc và cảnh pháp.

Các cảnh của giác quan như cảnh sắc đối với mắt lại đa dạng, như màu xanh, vàng, đỏ... cảnh thính đối với tai thì, âm thanh du dương, ồn ào, chói tai...

Vật thí bên ngoài cũng đa dạng theo giá trị và tài sản khác nhau như đá quý, vàng, bạc, ngọc trai, san hô...; đồng ruộng, vườn...; nô bộc, bò, trâu...

Khi bố thí là vật thí bên ngoài, bậc Đại nhân bố thí bất kỳ thứ gì cần thiết cho những ai cần đến. Thậm chí Ngài còn bố thí khi chưa được xin khi tự biết rằng có ai đó cần đến thứ này, thứ này và Ngài bố thí nhiều hơn cả số lượng lẫn chất lượng khi được xin.

Ngài bố thí một cách hào phóng, không hề keo kiệt, Ngài bố thí thích hợp, không phải là không thích hợp với người cần vật thí. Ngài bố thí không mong chờ nhận lại điều gì.

Và khi không đủ để bố thí cho tất cả mọi người, Ngài phân chia công bằng bất kỳ thứ gì có thể chia được, nhưng Ngài không bao giờ bố thí những gì gây nguy hại cho người khác như vũ khí, chất độc, chất say...

Ngài cũng không bao giờ bố thí những trò tiêu khiển gây nguy hại và làm cho phóng túng. Ngài không bố thí những vật thực hay thức uống không thích hợp cho người bệnh, thậm chí khi người đó hỏi xin. Và những gì tuy thích hợp nhưng quá độ, Ngài không bố thí.

Lại nữa, khi được hỏi xin, Ngài bố thí cho gia chủ những gì thích hợp với gia chủ, bố thí đến các vị tỷkhuu những gì thích hợp với các vị ấy. Ngài cúng dường đến mẹ, cha, bố thí đến người thân thuộc, họ hàng, bạn bè đồng môn, vợ, con, gia nhân và người làm công mà không gây nguy hại cho bất kỳ ai.

Khi hứa một vật thí hảo hạng, Ngài không coi đó là vật hảo hạng nữa.

Ngài không bố thí để có được sự kính trọng, danh tiếng hay mong nhận lại được gì, hay cũng không mong muốn có quả gì khác ngoài sự giác ngộ tối cao.

Ngài không bố thí khi ghê tởm vật thí đó hay ghê tởm những ai hỏi xin. Ngài không bố thí vật bỏ đi, thậm chí với những người thô lỗ hay những người nhục mạ Ngài; Ngài bố thí với sự cẩn trọng, trong sáng và đầy tâm Từ.

Ngài không bố thí với niềm tin vào đấng siêu nhiên mà Ngài bố thí với niềm tin vào nghiệp báo. Khi bố thí, Ngài không làm người hỏi xin bị đau khổ khi bắt người đó phải đánh lễ Ngài...; trái lại, Ngài bố thí để không làm cho người khác đau khổ. Ngài không bố thí để lừa dối hay làm hại người; Ngài bố thí chỉ với tâm không ô nhiễm.

Ngài không bố thí với những lời mắng chửi hay khó chịu, mà Ngài bố thí với những lời dễ mến, êm dịu và nụ cười trên gương mặt.

Bất kỳ khi nào khi tham với cảnh riêng biệt sinh khởi do giá trị cao và sự xinh đẹp của cảnh đó, do đồ cổ hay do dính mắc cá nhân, Bồ tát nhận ra được tâm tham của mình, Ngài nhanh chóng loại trừ tham, tìm người thọ thí và cho đi.

Và nếu có cảnh có giá trị giới hạn mà có thể bố thí và người cần đến nó thì ngay tức khắc Ngài bố thí vật đó, tôn trọng người đó dù người đó là một vị samôn không nổi tiếng.

Khi được hỏi xin con cái, vợ, nô lệ, người làm công và gia nhân, bậc Đại nhân không bố thí khi họ chưa mong muốn đi, khiến họ phải đau khổ. Khi họ muốn đi và hoan hỷ thì Ngài bố thí họ.

Nhưng nếu biết rằng những người hỏi xin là phi nhân – yêu tinh, ma quỷ hay người độc ác thì Ngài không bố thí. Cũng vậy, Ngài sẽ không bố thí quốc độ của mình cho những người muốn gây nguy hại, đau khổ hay phiền muộn cho thế gian, nhưng Ngài bố thí cho người tốt, người bảo vệ thế gian bằng Pháp.

Trước tiên, đây là cách tu tập bố thí vật thí bên ngoài.

Nên hiểu vật thí bên trong theo hai cách. Như thế nào?

Ví như người vì vật thực và quần áo nên tự nguyện *làm nô lệ* cho người khác, hay *phục vụ* người khác; cũng vậy, vì mong muốn an lạc và lợi ích cao tốt cho tất cả chúng sinh, mong muốn tu tập bố thí balamật với tâm định hướng, tầm cầu giác ngộ, Bậc Đại nhân giao mình cho người khác, phục vụ người khác.

Bất kỳ tay chân hay bộ phận cơ thể mình mà người khác cần như: Mắt, tay, máu... Ngài bố thí cho những người cần mà không run sợ hay co mình lại. Ngài không dính mắc với chúng và không chùn bước khi bố thí cho người khác, Ngài xem chỉ thể mình như vật thí bên ngoài.

Bậc Đại nhân từ bỏ vật thí bên trong theo hai cách; vì sự hoan hỷ của người khác hay thực hiện những mong muốn của người xin bằng sự thông thạo của chính mình.

Về vấn đề này, Ngài hoàn toàn hào phóng và nghĩ: “Ta sẽ giác ngộ mà không dính mắc”. Nên hiểu bố thí vật thí bên trong là như vậy.

Ở đây, khi cho vật bên trong, Ngài chỉ bố thí những gì mang lại lợi ích cho người nhận. Bậc Đại Nhân không bố thí chính cơ thể, chân tay và bộ phận trên cơ thể mình cho Ma vương hay cho những phi nhân đồng hành với Ma vương và nghĩ: “Mong điều này không làm cho chúng bị nguy hại”.

Ngoài ra, Ngài không bố thí cho những ai bị Ma vương hay tùy tướng của Ma vương sai khiến, không bố thí cho người điên. Nhưng khi được những người khác xin thì Ngài bố thí ngay lập tức vì hiếm có yêu cầu như vậy và khó có vật thí như vậy.

2'-Bố thí không lo sợ: Là bố thí sự bảo vệ cho chúng sinh khi họ bị vua, trộm, cướp, kẻ thù, sư tử, hổ, những thú dữ hoang khác, rồng, yêu tinh, ngạ quỷ, phi nhân... làm cho lo sợ.

3'- Bố thí pháp: Là bài pháp không bị sai lạc về Pháp mà được thuyết với tâm không ô nhiễm; đó là chỉ dẫn có phương pháp lối hành thiện trong kiếp hiện tại, trong kiếp kế và giải thoát.

Bằng cách thuyết pháp như vậy, những ai chưa gia nhập vào giáo pháp Đức Phật sẽ gia nhập, trong khi những ai đã gia nhập thì đạt đến độ chín muồi. Đây là phương pháp: nói ngắn gọn thì vị ấy thuyết pháp về bố thí, trì giới, cõi chư thiên, sự ô nhiễm trong dục lạc và lợi ích khi từ bỏ được.

Chi tiết hơn thì với những ai có tâm hướng đến giác ngộ, vị ấy thuyết pháp để thiết lập và làm trong sạch tâm (trong quá trình hướng đến mục đích của họ) bằng cách giảng về những phẩm chất cao thượng của những chủ đề thích hợp như sau: xuất gia, giữ giới, phòng hộ các căn, ăn uống có điều độ, tinh thức, 7 điều thiện⁽¹⁾; tu tập thiền chỉ (*samatha*) với 1 trong 40 đề mục; tu thiền quán với những cảnh quán xét về thể nhơ bẩn của thân xác; bảy giai đoạn trong sạch được thành tựu đầy đủ (*sammattagahana*), 3 loại minh (*vijjā*); sáu thắng trí (*abhiññā*), bốn vô ngại giải (*paṭisambhidā*) và sự giác ngộ của một vị đệ tử.⁽²⁾

(1)- Là thân có 3: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh trong dục lạc; khẩu có 4: Không nói dối, không nói hung dữ, không nói đâm thọc, không nói vô ích – Nd.

(2)-Bảy giai đoạn trong sạch (thất tịnh) được đề cập đến trong *Rathavinīta Sutta* (M. 24) (kinh trạm xe trong Trung bộ kinh) và được giải thích chi tiết trong *Visuddhimagga* (thanh tịnh đạo). “Hướng đúng đắn” là đạo siêu thế chứng đạt Nípàn; theo hướng này thì gắn liền với việc giác ngộ và giải thoát cuối cùng mà không đảo ngược được.

Ba loại minh là: Nhớ lại các kiếp quá khứ (túc mạng minh), tuệ thấy được sự sinh diệt của chúng sinh (sinh tử minh) và tuệ đoạn trừ được các ô nhiễm (*āsava*).

Sáu thắng trí (*abhiññā*) là: Năm thắng trí phàm và trí đoạn trừ được các ô nhiễm. Năm thắng trí phàm lanhư tại tr. 51; thắng trí thứ sáu là đoạn trừ các lậu hoặc.

Bốn vô ngại giải (*paṭisambhidā*) là: nhận thức được nghĩa, pháp, từ nguyên và biện tài (*attha, dhammam nirutti, paṭibhāna*).

Cũng vậy, với những ai có tâm hướng đến sự giác ngộ của các vị Phật Độc giác và Phật Chánh giác thì vị ấy thuyết pháp để thiết lập và làm trong sạch tâm theo hai phương hướng: Hướng đến quả vị Độc giác và hướng đến quả vị Chánh giác; bằng cách giảng về sự vĩ đại trong năng lực của các vị Phật ấy, giải thích bản chất, đặc tính, chức năng... riêng biệt trong thập độ trong ba giai đoạn.

Do vậy, Bạc Đại nhân bố thí pháp đến cho chúng sinh.

Khi bố thí sắc pháp, Bạc Đại Nhân bố thí vật thực với ý nghĩ: “Với vật thí này, mong cho chúng sanh có được tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, sức mạnh, thông minh và quả an lạc tối thắng”.

Ngài bố thí nước uống, mong muốn làm giảm cơn khát các ô nhiễm dục lạc; bố thí y phục để có tầm, quý và thân thể có màu da vàng trong sáng (của vị Phật); bố thí xe cộ để đạt được các phương thức sức mạnh siêu nhiên và an lạc Nípàn; bố thí hương thơm để tạo hương thơm ngọt ngào của giới; bố thí tràng hoa và thuốc bôi để tạo vẻ đẹp trong các phẩm chất của Đức Phật; bố thí chỗ ngồi để tạo chỗ ngồi trong cung điện giác ngộ; bố thí chỗ ngụ để tạo nơi nghỉ ngơi của bậc Chánh giác.

Vì bố thí chỗ ngụ nên vị ấy trở thành nơi nương của chúng sinh; vì bố thí đèn nên vị ấy có thể đạt được 5 nhãn.⁽¹⁾

Ngài bố thí hương nên Đức Phật có mùi hương lan rộng xung quanh nơi ngụ cùng nơi thân; bố thí âm thanh nên Đức Phật có giọng nói như Phạm thiên; bố thí vị nên Đức Phật được thể gian quý trọng; bố thí xúc nên Đức Phật có được sự tạo nhả.

Bố thí thuốc trị bệnh vì vậy sau này Ngài có thể bố thí trạng thái bất tử Nípàn. Ban tự do cho gia nhân vì vậy Ngài giải phóng chúng sinh thoát khỏi giam cầm của các ô nhiễm (*āsava*). Bố thí những trò tiêu khiển và hoan hỷ có tâm có quý để tạo sự hoan hỷ với chánh Pháp.

Ngài bố thí chính con cái mình để có thể nhận tất cả chúng sinh là con, khi đưa họ tái sinh vào nơi

⁽¹⁾-Năm nhãn là:- Mắt thường (*maṃsacakkhu*), cơ quan thị giác. Đối với Đức Phật mắt thường của Ngài còn có nhiều năng lực hơn cả mắt của người bình thường.

- Thiên nhãn (*dibbacakkhu*), vị ấy thấy được các chúng sinh sinh diệt theo nghiệp của mình qua tất cả các cõi sống.

- Tuệ nhãn (*paññācakkhu*), vị ấy thấy được tất cả các chuỗi danh sắc với các đặc tính chung và riêng biệt của chúng và các phương thức tiếp diễn mà theo đó chúng phải gánh chịu.

= Pháp nhãn (*dhammacakkhu*), vị ấy thấy rõ các pháp cùng các đặc tính, chức năng, sự hiển lộ và nhân gần của chúng, đồng thời thấu triệt được bản chất vô thường, khổ và rỗng không của chúng.

- Phật nhãn (*buddhacakkhu*) mà theo đó vị ấy thấy được khuynh hướng và tâm tính của chúng sanh cũng như là thấy được sự chín muồi trong các căn; và *samantacakkhu*, mắt giác ngộ.

cao quý. Ngài bố thí vợ để có thể trở thành chủ nhân của toàn thể gian. Ngài bố thí vàng, đá quý, ngọc trai, san hô... để thành tựu các đại nhân tướng (đặc tính trên cơ thể Đức Phật) và bố thí nhiều cách đẹp khác nhau để có được những tướng phụ xinh đẹp.⁽¹⁾

Ngài bố thí châu báu để có được vật báu là chánh Pháp; bố thí quốc độ để trở thành vua của Pháp; bố thí tự viện, vườn, ao, bụi cây để chứng thiên...; bố thí chân mình để đến gần thêm giác ngộ với đôi bàn chân có vết cắm xe; bố thí đôi bàn tay để có thể đưa bàn tay Chánh pháp ra giúp đỡ chúng sinh vượt qua bốn dòng nước xoáy ⁽²⁾; bố thí tai, mũi... để đạt được các quyền là tín...; bố thí mắt để có được mắt giác ngộ; bố thí thịt và máu với suy nghĩ: “Mong cho cơ thể ta trở thành các cách sống của tất cả chúng sinh! Mong cho cơ thể ta mang đến lợi ích và an lạc cho tất cả chúng sinh mọi lúc, thậm chí chỉ khi thấy được, nghe được, hồi tưởng lại hay chăm sóc ta!” Và Ngài bố thí đầu mình để trở thành cao tột trong toàn thể gian.

Do vậy, khi bố thí, bậc Đại nhân không bố thí mà không có suy nghĩ, không gây đau khổ cho người khác, không sợ hãi, có hỷ thẹn với tội lỗi, có ghê sợ với tội lỗi, không la mắng người cần vật thí.

Khi có cái gì tuyệt hảo, Ngài không bố thí như nó là đồ tuyệt hảo. Ngài không bố thí rồi tự khen mình

⁽¹⁾-32 đại nhân tướng và 80 tướng phụ trên cơ thể bậc Đại nhân.

⁽²⁾- Bốn dòng nước là ái dục, ái hữu, tà kiến và si.

và chế nhạo người khác. Ngài không bố thí để mong nhận quả, không ghê tởm người xin, bố thí có sự cân nhắc. Dĩ nhiên là Ngài bố thí một cách kỹ lưỡng, bằng chính tay mình, vào thời điểm thích hợp, có cân nhắc, không hề phân biệt đối xử, hoan hỷ trong cả ba thời.⁽¹⁾

Khi bố thí, Ngài không hề hối hận sau đó. Ngài không kiêu ngạo hay khúm núm đối với người thọ thí mà đối xử hòa nhã. Rộng rãi và hào phóng, Ngài còn bố thí thêm (*saparivāra*). Khi bố thí vật thực, Ngài nghĩ: “Ta sẽ bố thí vật thực này, rồi còn bố thí thêm nữa”, rồi Ngài bố thí thêm y phục hay các vật dụng khác. Cũng vậy, khi bố thí y phục, Ngài nghĩ: “Ta sẽ bố thí y phục này và còn bố thí thêm nữa”, rồi Ngài bố thí thêm vật thực... Tương tự như vậy, khi bố thí xe... Và khi bố thí các cảnh của giác quan như cảnh sắc, Ngài cũng bố thí thêm cảnh của giác quan khác.

Thực hiện việc bố thí như vậy là Ngài cố gắng vì lợi ích và hạnh phúc của toàn thể gian và vì sự giải thoát của bậc Chánh giác không hề lay chuyển. Ngài cố gắng để thành tựu ước nguyện không mệt mỏi (vì điều thiện), định, thiện xảo, tuệ và giải thoát không mệt mỏi.

Khi tu tập bố thí balamật, Bậc Đại nhân quán đặc tính vô thường đối với đời sống và tài sản, Ngài xem đó như là vật chung của nhiều người một cách liên tục và luôn khơi dậy tâm Từ to lớn đối với chúng

(1)- “Ba thời” là trước khi thí, trong khi thí và sau khi thí.

sinh. Như ngôi nhà bị cháy, người chủ mang tất cả những tài sản có giá trị thiết yếu và chính mình ra khỏi nhà, không để lại bất kỳ thứ gì quan trọng, cũng vậy, bậc Đại nhân bố thí nhiều, không phân biệt và không lo lắng.

Đó là phương pháp tu tập bố thí *balamật*.

b-*Tu tập giới balamật*. Do bậc Đại nhân mong muốn tô điểm cho chúng sinh bằng giới của bậc Chánh giác, khi bắt đầu, Ngài phải làm trong sạch giới của mình trước.

Ở đây, giới được làm cho trong sạch theo 4 cách:

- Làm trong sạch các khuynh hướng (xấu) trong nội tâm (*ajjhāsayavisuddhi*).
- Thọ giới (*samādāna*).
- Không vi phạm (*avītikkamana*).
- Theo trạng thái tự nhiên (*paṭipākatikaraṇa*).

Với những ai có tư tưởng hướng thượng thì tự nhiên chán ghét điều ác, làm trong sạch các khuynh hướng xấu của chính mình và khơi dậy sự hổ thẹn tội lỗi (tâm) ở bên trong.

Người có sự suy xét về thế gian vượt trội thì sợ điều ác, làm trong sạch lối hành xử của mình bằng cách thọ giới từ người khác và khơi dậy sự ghê sợ tội lỗi (quý) bên trong.

Cả hai điều này, giúp giới được trong sạch do không vi phạm (*avītikkamana*).

Nhưng nếu do hay quên, đôi khi họ phá giới, khi đó nhờ có tâm và quý họ nhanh chóng chỉnh sửa bằng thói quen thích hợp.

Giới có hai là giữ giới (*vāritta*) và thực hiện giới (*cāritta*).

Giữ giới. Sau đây là một phương pháp mà theo đó giữ giới được trong sạch.

Vị Bồ tát nên có tâm Từ - tâm Bi đối với tất cả chúng sinh để không cảm thấy oán giận bất kỳ ai, thậm chí là trong mơ. Do cố gắng hiền để giúp đỡ người khác, Ngài không còn biển thủ tài sản của người khác như giữ nợ rần đục.

Nếu là vị tỳkhưu, Ngài sống trong sạch, tránh bảy chương ngại của dục (A. iv. 54-56), không nói chuyện thông dâm.

Nếu là gia chủ, Ngài không bao giờ khơi dậy bất kỳ một tư tưởng tham vợ của người khác. Khi nói, lời của Ngài luôn chân thật, mang lại lợi ích, thân thiện, đồng thời lời của Ngài có suy nghĩ và liên quan đến pháp. Tâm Ngài không có tham dục, sân và tà kiến; Ngài luôn có tuệ làm chủ nghiệp, có tín, quý kính các vị Samôn và Balamôn đạo sĩ tu tập đúng đắn.

Do tránh những điều bất thiện cùng nghiệp bất thiện dẫn đến bốn khổ cảnh hay bị đau khổ trong vòng luân hồi; do hướng về điều thiện dẫn đến nghiệp thiện đưa đến cõi trời và giải thoát qua việc làm trong sạch giới, nên nguyện vọng của bậc Đại

nhân vì lợi ích và hạnh phúc của chúng sinh được thành tựu.

Chính theo cách được hình thành, giới balamật của Ngài được tu tập, đó là bản chất của Ngài.

Do không làm cho người khác đau khổ (giết hay đánh đập chúng sinh khác...), Ngài bố thí sự không sợ hãi đến tất cả chúng sinh, nên Ngài hoàn thiện thiện tâm Từ không khó khăn, không bị chướng ngại, thụ hưởng 11 lợi ích của tâm từ (A. v. 342). Ngài mạnh khỏe và tráng kiện, có tuổi thọ, được nhiều hạnh phúc, có những đặc tính nổi bật và loại trừ khuynh hướng (*vāsanā*) sân.⁽¹⁾

(1)- Về *vāsanā*, chú giải *Udāna* có ghi: “*Vāsanā* là những khuynh hướng riêng biệt đối với các hành động tồn tại như ảnh hưởng tiềm năng mà được tạo nên qua các lậu hoặc phát huy từ xa xưa không có bắt đầu. Thậm chí trong chuỗi tâm của những vị không có lậu hoặc (tức là các bậc Alahán), các chuỗi tâm có chức năng như là nguồn gốc cho lối ứng xử tương tự như lối ứng xử tiếp theo trong khi các lậu hoặc còn chưa bị bỏ rơi.

Đối với các vị Phật Chánh giác, nhờ tu tập nhờ chú nguyện ban đầu, loại trừ các lậu hoặc cùng với trở ngại của tuệ, *vāsanā* không còn trong chuỗi tâm của các Ngài. Nhưng đối với các vị Alahán Thỉnh Văn và các vị Phật Độc Giác, các Ngài loại trừ các lậu hoặc mà không loại trừ chướng ngại của tuệ, nên *vāsanā* vẫn còn”. Ví dụ cổ điển về điều này là trường hợp của Đại Đức *Pilindavaccha*, dù là bậc Alahán nhưng vẫn gọi các vị tỳ kheo khác là *vasala* (*đê hèn*), một từ làm giảm giá trị của người khác, từ này thường được các vị Balamôn gọi những ai ở đẳng cấp thấp. Tuy nhiên, Ngài *Pilindavaccha* không dùng từ này do kiêu ngạo hay coi thường người khác, vì các lậu hoặc Ngài đã đoạn trừ sạch, đó chỉ là thói quen trong quá khứ, do Ngài là balamôn trong nhiều kiếp quá khứ. Hãy xem Ud. III. 6 và chú giải.

Cũng vậy, do không lấy của không cho, tài sản của Ngài không thể bị hủy hoại do nước, lửa, trộm, vua quan chiếm đoạt và bị người thừa tự hủy hoại.

Do không sai quấy trong dục, Ngài không bị người khác nghi ngờ, là bậc thân thiện, đáng tin và thành công; ngoài ra, do có khuynh hướng từ bỏ dục lạc nên trừ diệt được tham tiềm tàng (anusaya – tùy miên).

Do từ bỏ sự sai quấy trong dục nên Ngài không dễ bị kích động, an tịnh thân tâm, không bị chúng sinh nghi ngờ; danh tiếng tốt của Ngài được lưu truyền. Do Ngài không dính mắc với phụ nữ, có khuynh hướng xuất ly, nên thành tựu được những đặc tính cao thượng và trừ diệt được tham tiềm tàng.

Do từ bỏ được ngũ bất thiện nên lời nói của Ngài có quyền lực với người khác. Ngài được xem như là người đáng tin tưởng, người có lời nói luôn được chấp nhận, Ngài thân thiện đối với chư thiên. Mùi của Ngài toát ra mùi hương thơm ngát, thân và khẩu Ngài được bảo hộ. Ngài thành tựu những đặc tính cao thượng và loại trừ được các tiềm tàng và các ô nhiễm.

Do từ bỏ được những lời phi báng nên Ngài có đoàn tùy tùng và những tùy chúng ấy không thể bị chia rẽ hay bị tấn công. Ngài có niềm tin không hề lay chuyển đối với chánh Pháp. Ngài thật là người bạn cực kỳ thân thiện với chúng sinh như thể quen thuộc trong nhiều kiếp quá khứ. Và Ngài không có ô nhiễm.

Do từ bỏ được lời thô ngữ nên Ngài trở nên thân thiết với chúng sinh, tính cách dịu dàng, lời nói ngọt

ngào, được kính trọng. Và Ngài phát triển giọng nói có 8 yếu tố.⁽¹⁾

Do từ bỏ được nói vô nghĩa, Ngài trở nên thân thiết với chúng sinh, được tôn kính, kính trọng. Lời của Ngài được chấp nhận và được suy gẫm. Ngài có năng lực và sức ảnh hưởng to lớn, thiện xảo khi trả lời các câu hỏi của người khác với sự khéo léo, tạo các cơ hội mang lại lợi ích cho người khác.

Và khi còn là Bồ tát, Ngài có thể trả lời nhiều câu hỏi của chúng sinh, với một câu trả lời, Ngài có thể nói bằng nhiều ngôn ngữ.

Do không khao khát nên Ngài đạt được những gì mình mong muốn và có được bất kỳ tài sản quý giá nào mà Ngài cần. Ngài được các vị vua, quan (khattiya) đầy quyền lực kính trọng. Ngài không bao giờ bị kẻ thù đánh bại, không bao giờ bị khiếm khuyết các quyền và trở thành một người không ai sánh bằng.

Do thoát khỏi tâm sân nên Ngài có diện mạo dịu dàng, được kính trọng và do hoan hỷ với lợi ích của người khác nên tự nhiên Ngài được người khác tin tưởng. Ngài có phẩm chất cao quý, ngụ trong tâm từ, có năng lực và sức ảnh hưởng to lớn.

Do thoát khỏi tà kiến nên Ngài có những người bạn tốt. Thậm chí nếu bị gươm nhọn đe dọa, Ngài

(1)- Tám tính chất trong giọng nói của Đức Phật: Ngay thật, rõ ràng, có giải điệu, dịu dàng, đầy đủ, truyền đi xa, sâu và vang, không vượt ra khỏi người nghe.

cũng không làm điều ác. Do là chủ của nghiệp nên Ngài không tin vào đấng siêu nhiên.

Niềm tin của Ngài đối với chánh Pháp thì vững chắc. Ngài tin vào sự giác ngộ của bậc Chánh giác, nên không còn hoan hỷ với sự đa dạng tín ngưỡng bên ngoài, ví như con thiên nga hoàng gia không vui thích trong đồng phân.

Ngài liễu tri được tam tướng (vô thường, khổ và vô ngã) và cuối cùng thành tựu tuệ Chánh giác không thầy chỉ dạy. Cho đến khi kiếp chót đạt được giác ngộ cuối cùng, sự tái sinh của Ngài cũng nổi bật hơn chúng sinh khác (tái sinh theo ý) và có những thành tựu vượt bậc nhất.

Do vậy, nên xem giới là nền tảng cho tất cả mọi thành tựu, là vùng đất khơi nguồn cho tất cả các phẩm chất của Đức Phật, giới là cội rễ, đứng đầu trong tất cả các phẩm chất của Bồ tát.

Và khi thấy được lợi đặc, kính trọng, danh tiếng như là kẻ thù dưới cái vẻ là bạn, Bồ tát càng cần mẫn và triệt để hoàn thiện giới như con gà mái bảo vệ trứng của mình.

Do năng lực của niệm và tỉnh thức kiểm soát thân và lời nói, phòng hộ các giác quan, làm trong sạch sự nuôi mạng và sử dụng các vật dụng.

Đây là phương pháp tu tập giữ giới.

Tu tập thực hành giới.

Nên hiểu tu tập thực hành giới như sau:

Ở đây, vào lúc thích hợp, Bồ tát thực hành sự tôn kính như: chào, đứng dậy, chào mừng thích hợp và kính trọng những người tốt đáng được tôn kính.

Vào lúc thích hợp, Ngài phục vụ họ, chăm sóc khi họ bệnh; khi nhận được lời khuyên tốt, Ngài cảm kích. Ngài tán thán những phẩm chất cao thượng của bậc có giới và kiên nhẫn chịu đựng lời phỉ báng của kẻ đối nghịch.

Ngài nhớ đến sự giúp đỡ của người khác, hoan hỷ với phước của người, hồi hướng phước của mình để được giác ngộ cao tột và luôn cần mẫn tu tập các đặc tính thiện. Khi phạm tội, Ngài biết mình phạm và sám hối với bạn đồng môn, sau đó Ngài tu tập điều tốt cho hoàn hảo.

Ngài khéo léo, nhanh nhẹn phục vụ chúng sinh, thực hiện những việc có lợi cho họ. Ngài như người đồng hành tốt của họ, khi chúng sinh bị bệnh dịch..., Ngài chuẩn bị phương thuốc thích hợp.

Ngài xua tan nỗi sầu khổ của những ai bị mất tài sản... Có tính luôn luôn giúp đỡ mọi người. Ngài dùng Pháp ngăn chặn những ai cần ngăn, hướng dẫn họ ra khỏi con đường bất thiện, giúp họ thực hiện điều thiện; bằng pháp, Ngài thôi thúc những ai cần thôi thúc.

Khi được nghe các vị Đại Bồ tát trong quá khứ vì lợi ích và hạnh phúc của chúng sinh, các Ngài thực hành những việc làm khó khăn, đầy năng lực nhất với tâm dũng mãnh, nhờ đó các Ngài đạt đến độ chín muồi trong các pháp trợ đạo dẫn đến giác ngộ thành

bậc Chánh giác, vị Bồ tát không bị lo sợ kích động mà quán xét: “Các Ngài chỉ là những người nhân loại, nhưng nhờ phát triển chính mình qua việc tu tập có trình tự mà các Ngài có năng lực đáng khâm phục và hoàn thiện cao nhất các pháp trợ đạo, theo cách đó, ta cũng sẽ tu tập và cuối cùng cũng đạt được trạng thái tương tự”. Khi đó, với sự tinh tấn không mệt mỏi hợp với tín, Ngài tu tập giới...

Lại nữa, Ngài che đậy giới và để lộ những sai lầm của mình. Ngài ít mong muốn, thích độc cư, tách biệt, có khả năng chịu đựng đau khổ và không lo lắng. Với người vênh váo, lỗ mãng, hay thay đổi, hoặc lời nói tán loạn, Ngài vẫn giữ tâm bình thản.

Để tránh tà mạng như mưu mô... Ngài có lối hành xử thích hợp và có nơi ngồi nghỉ thích hợp (để khát thực). Ngài thấy nguy hại trong các lỗi nhỏ nhặt và thực hiện các quy định tự rèn luyện mình một cách mạnh mẽ và cương quyết, không quan tâm đến cơ thể hay mạng sống; thậm chí chỉ là sự quan tâm nhỏ về cơ thể hay mạng sống, Ngài còn không chịu đựng nổi, lập tức Ngài xua tan và từ bỏ nó.

Vậy mối quan tâm nào vượt trội hơn trong tâm Ngài? Ngài quan tâm đến các ô nhiễm như giận dữ, ác ý, bất thiện... cố gắng xua tan và từ bỏ chúng.

Ngài không tự mãn với một số thành tựu nhỏ, không dừng bước mà còn cố gắng tiến tới để thành công hơn nữa. Nhờ đó, những thành tựu Ngài đạt được không hề giảm sút hay đình trệ.

Bậc Đại nhân như là người dẫn đường cho người mù khi giải thích cho họ con đường đúng. Đối với người điếc, Ngài đưa ra những dấu hiệu qua điệu bộ chân tay, và theo cách đó thì tạo lợi ích tốt cho họ; tương tự như vậy với người câm.

Với người què Ngài đưa ghế hay xe cộ hay một số loại vận chuyển khác. Ngài cố gắng để người không có niềm tin có niềm tin, người lười biếng được sốt sắng, những ai không có niệm thì có niệm, những ai có tâm phóng dật thì có định, những ai không có trí thì có trí. Ngài cố gắng xua tan dục lạc, sân hận, đã dục, co rút, tán loạn tâm, lo âu và sự lưỡng lự của những ai bị những chướng ngại này ám ảnh. Ngài cố gắng xua tan đi những suy nghĩ sai trái về dục lạc hay sân đang ngự trị trong tâm của những bị những ý này khuất phục.

Biết ơn những ai giúp đỡ mình, Ngài kính trọng họ và mang lại lợi ích tương đương hay nhiều hơn thế nữa đến người ấy.

Ngài là bạn đồng hành tốt khi người khác gặp sự không may. Hiểu được bản chất và đặc tính của chúng sinh, Ngài đồng hành cùng với bất kỳ chúng sinh nào cần có Ngài, với bất kỳ cách nào họ cần thiết nơi Ngài; Ngài tu tập cùng với bất kỳ chúng sinh nào cần tu tập với Ngài, với bất kỳ cách tu tập nào cần thiết cho họ; nhưng Ngài chỉ thực hiện những việc ấy với mục đích đưa họ thoát khỏi bất thiện trở về với thiện, không có mục đích khác.

Vì để bảo vệ thiện tâm của người khác, Bồ tát chỉ cư xử theo các cách làm tăng trưởng thiện. Do khuynh hướng mang lại lợi ích cho người khác nên Ngài không bao giờ làm hại họ, chửi mắng, làm nhục họ, khơi dậy sự hối hận trong họ hay xúi giục họ làm những điều không nên làm.

Ngài cũng không đặt mình lên vị trí cao hơn đối với những ai có cách cư xử thấp kém. Ngài không đồng hành, không tiếp cận cũng không dễ được tiếp cận Ngài khi không đúng thời.

Ngài đồng hành với những chúng sinh vào lúc thích hợp ở nơi thích hợp. Ngài không chỉ trích những ai thân thiết với những người khác trước mặt họ, không tán dương những ai họ oán giận. Ngài không thân mật với những ai không đáng tin. Ngài không từ chối lời mời đúng cách, không tiến hành thuyết phục người ngoan cố.

Ngài khuyến khích bằng pháp thoại đến những ai có niềm tin về những lợi ích của niềm tin; tương tự, với pháp thoại Ngài khuyến khích những ai có giới, học nhiều, hào phóng và tuệ, khi nói về những lợi ích của những phẩm chất này.

Nếu có thắng trí, Ngài kích thích (*saṃvega*) những ai có tâm khinh thường những phẩm chất trên, chỉ cho họ thấy sự khổ của những chúng sinh trong địa ngục... Bằng cách đó Ngài tạo ra: niềm tin cho những ai chưa có niềm tin; giới hạnh cho những ai chưa có giới; học nhiều cho những ai thiếu học; bố

thí cho những ai keo kiệt; trí tuệ cho những ai thiếu trí.

Ngài đưa họ vào Giáo pháp của Đức Phật và những phẩm chất tốt đẹp được chín muồi. Theo cách đó, ân đức vô lượng từ giới của Bạc Đại nhân tăng không ngừng.

Trong Thanh Tịnh Đạo có giải thích chi tiết khác nhau về giới ở đoạn mở đầu: “Giới là những trạng thái bắt đầu bằng tác ý ở những ai giữ không sát sanh... hay người tu tập các nhiệm vụ”.

Sự khác biệt này được nêu ra ở đây, nên hiểu như sau: “Giới được ghi nhận trong Thanh Tịnh Đạo là ám chỉ những chúng sinh mong muốn giác ngộ Thánh Thinh văn (ám chỉ Bồ tát Thinh văn giác – Nd)”; nhưng ở đây, là nói đến sự tu tập giới của các vị Đại Bồ tát (Bồ tát Chánh giác – Nd), nên giải thích về việc tạo tâm Bi và thiện xảo đối với giới.

Bạc Đại nhân không tạo phước bằng cách tu tập giới để không bị đau khổ trong cõi khổ, để làm vua trong cõi lành, để trở thành minh chủ thống trị thế gian, thành chư thiên, Vua trời Đế Thích, Māra (Ma vương), không phải để đạt 3 minh, 6 thắng trí, bốn vô ngại giải, giác ngộ Thánh Thinh văn hay giác ngộ Độc giác Phật. Ngài tu tập giới để trở thành bậc Chánh giác, để tế độ chúng sinh nên giới của Đức Chánh giác không gì so sánh được.

Đây là phương pháp tu tập giới.

c- *Xuất ly balamật*: Là hành động trong sạch của tâm từ bỏ dục lạc và sinh hữu. Xuất ly bắt nguồn từ sự nguy hại, có tâm bi và thiện xảo.

Nên tu tập xuất ly balamật bằng cách nào? Trước tiên là nhận biết được sự nguy hại của dục lạc... theo cách sau:

- Đối với người tại gia thì không có cơ hội nào để thụ hưởng an lạc xuất ly vì: Đời sống tại gia đầy ô nhiễm; vợ và con tạo ra trở ngại cho tự do của người đó; nhiều nghề thủ công, các công việc như nông nghiệp, buôn bán... dẫn đến nhiều rối rắm.

Như giọt mật trét trên lưỡi gươm, dục lạc chỉ đem đến sự hài lòng hạn chế, nhưng tai hại thì nhiều. Chúng như ánh chớp lướt qua, chỉ có thể thụ hưởng xuyên qua tường tượng; chúng như đồ trang sức của người điên; như hố phân được nguy trang; như kẻ khát uống được ít nước trong bàn tay, như vật thực bị thối rữa ở bên trong.

Dục lạc là nhân cho tai họa như cái móc câu với cá tham mồi; là nhân đau khổ ba thời như lửa cháy trên đầu; là sự trói buộc như con khi bị dính keo không thể thoát ra; là kẻ sát nhân nguy trang lương thiện; là nơi nguy hiểm như nguy trong làng của kẻ thù; là vật thực cho các ô nhiễm, là bẫy mồi của Māra (Ma vương), là kẻ trợ giúp cho kẻ thù; như lửa cháy ngầm trong hốc cây; đây nguy hiểm như giọt mật trên ngọn cỏ trong hố thẳm; làm tăng cơn khát giống như uống nước muối; là cay đắng như thường

xuyên dùng những thứ rượu và khó hài lòng như con chó gặm khúc xương khô”.

Khi nhận biết nguy hại của dục lạc theo phương pháp này, Bồ tát suy gẫm về lợi ích của xuất ly với tâm nghiêng về, hướng về an lạc của xuất ly, độc cư và an tịnh.

Do xuất ly được bắt nguồn từ “sự lìa bỏ gia đình, sống không nhà” như vị tỳkhuu, nên Bồ tát xuất gia.

Nếu sống vào thời không có vị Phật xuất hiện trên thế gian, bậc Đại nhân xuất gia theo các vị ẩn sĩ hay những du sĩ, những người chủ trương học thuyết về nghiệp và tác động của nghiệp.

Nhưng khi Đức Chánh giác xuất hiện trên thế gian, bậc Đại nhân chỉ xuất gia theo giáo pháp của các vị ấy. Khi xuất gia, Ngài tự giữ giới như mô tả ở trên và để làm trong sạch giới Bồ tát có khuynh hướng ẩn cư. Khi ẩn cư thì ít có ham muốn, ít có ham muốn dẫn đến giới được hoàn hảo.

Những ô nhiễm trong tâm được rửa sạch bằng các loại nước có phẩm chất cao thượng như gìn giữ các giác quan, độc cư, tránh xa nơi náo nhiệt, khơi dậy sự nhiệt tâm, biết đủ trong cách sống... . Và tất cả lối hành xử được trong sạch nhờ nguyên tắc “có sự hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi”.

Ngoài ba truyền thống cao quý của bậc Thánh⁽¹⁾, các bậc Đại nhân có thể thành tựu được truyền thống

⁽¹⁾-Bốn truyền thống của bậc cao quý – hay bậc Thánh (*ariyavamsa*) là: biết đủ với bất kỳ loại y phục, biết đủ với bất kỳ vật

thứ tư, tức là hoan hỷ trong thiền, nhập và trú trong thiền, cả cận định và nhập định trong bất kỳ một trong 40 đề mục thiền. Do vậy, các Ngài tu tập xong xuất ly balamật.

Ở đây nên giải thích chi tiết về 40 đề mục thiền và 13 cách tu tập ẩn cư:

- Bốn mươi đề mục thiền là: 10 đề mục trong sạch (*kasiṇa*), 10 đề mục thể trước, 10 đề mục niệm tưởng, 4 Phạm trú (*brahmavihāra*), 4 đề mục vô sắc, 1 quán tưởng vật thực và 1 phân tích tứ đại.

Những đề mục này được giải thích chi tiết, đầy đủ trong Thanh Tịnh Đạo nên không giải thích chi tiết ở đây. Chỉ có một sự khác biệt là: Trong Thanh Tịnh Đạo, đề mục được giải thích cho những chúng sinh mong muốn giác ngộ Thánh Thinh Văn, nhưng ở đây, do nói đến các vị Bồ tát nên được giải thích là do tâm Bi và trí thiện xảo dẫn đầu.

Đây là phương pháp tu tập xuất ly balamật.

d- Tuệ balamật: Như ánh sáng không thể cùng tồn tại với bóng tối, tuệ không thể cùng tồn tại với si. Do vậy, Bồ tát khi tu tập tuệ balamật thì Ngài tránh các nhân sinh khởi si mê, như sau:

Sự bất mãn, sự uế oải, sự dã dượi, hoan hỷ tụ hội, bị dính mắc với ngũ dục, do dự, thiếu hăng hái với tuệ, tự đánh giá sai chính mình, không chất vấn,

thực nào khi được cho, biết đủ với bất kỳ chỗ ngủ nào và hoan hỷ trong thiền.

không giữ cơ thể cho tốt, thiếu thiện định, thân cận với kẻ ngu, không thân cận người trí, tự coi thường bản thân, suy xét sai, bám chặt vào các tà kiến, thiếu sự nỗ lực trong tâm và năm chướng ngại⁽¹⁾.

Nói ngắn gọn thì bất kỳ trạng thái nào mà khi đắm nhiễm vào làm cho tuệ chưa sinh không sinh lên, tuệ đang sinh bị diệt mất. Để tránh những nhân này, nên tinh tấn học tập và hành thiện chỉ hay thiên quán.

Đây là phần phân tích về phạm vi học hỏi: ngũ uẩn, 12 xứ, 18 bản chất (dhātu – giới), bốn sự thật, 22 quyền, 12 yếu tố tương sinh (12 duyên sinh), 4 nền tảng của niệm (bốn niệm xứ), phân tích được danh sắc như: thiện, bất thiện và không thiện cũng không bất thiện (vô ký), cùng như nhiều lĩnh vực tuệ thể gian hoàn toàn trong sạch mà có thể thích hợp để thúc đẩy lợi ích và hạnh phúc của chúng sinh, đặc biệt văn phạm ngữ nghĩa.

Với tuệ thiện xảo, đi chung với niệm và tinh tấn, trước tiên Bồ tát hoàn toàn tự đắm mình vào việc học như: Nghiên cứu, nghe, nhớ, học và hỏi; sau đó Ngài chỉ dẫn lại cho người khác. Theo đó, tuệ sinh lên do học (*sutamayipaññā-trí văn*) được phát triển. Cũng vậy, ngoài mong muốn vì lợi ích của người khác, Bồ tát phát triển tuệ thiện xảo khi tạo ra những cơ hội để tu tập, hay thực hành nhiều phận sự giúp đỡ

⁽¹⁾- Năm trói buộc là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục và sân hận.(Nd).

chúng sinh khi hiểu được hạnh phúc và đau khổ của họ.

Tiếp đến, Ngài tu tập tuệ quán xét (*cintāmayīpaññā – trí tư*) bằng cách: Trước tiên quán xét về bản chất riêng của danh sắc như uẩn, xứ, giới, tiếp theo Ngài khởi dậy những sự cần thiết quán xét trong các uẩn.... Kế đến, Ngài hoàn thiện phần sơ bộ của tuệ do thiên sinh khởi (*pubbabhāgabhāvanāpaññā- trí tu ban sơ*) bằng cách phát triển ba loại phạm trí qua việc hiểu rõ được các đặc tính chung và riêng của các uẩn...⁽¹⁾ Cũng vậy, Ngài hiểu biết rõ ràng các pháp bên trong và bên ngoài không hề sai khác, như sau: “Đây chỉ là danh sắc (*nāmarūpamatta*) sinh diệt theo các duyên. Ở đây không có người tạo hay tác nhân, chúng vô thường theo ý nghĩa không tồn tại sau khi tồn tại; khổ theo ý nghĩa áp bức bởi sinh diệt; và vô ngã theo ý nghĩa không chi phối bất kỳ quyền lực nào”.

Hiểu rõ được như vậy, Ngài không dính mắc với chúng và giúp người khác cùng làm như vậy. Hoàn toàn với tâm từ, Ngài tiếp tục giúp các đệ tử gia nhập và đạt đến độ chín muồi trong ba phương thức (Thịnh văn thừa, Độc giác thừa và Phật thừa – Nd);

⁽¹⁾ – Ba phạm trí, xem ở Vism. XX 3,5. Các đặc tính riêng là các dấu hiệu xác định của mỗi loại danh sắc, các đặc tính chung là những dấu hiệu thông thường vô thường, khổ và vô ngã. Phần sơ bộ của tuệ do nương từ thiên sinh lên, đều là trí phạm. Theo Theravāda, Bồ tát không thể thành tựu được tuệ siêu thế cho đến ngày trước Giác ngộ, vì Ngài phải hoàn thiện các balamật trước khi bước vào đạo lộ giải thoát cuối cùng.

giúp họ thành tựu thiên, giải thoát, định, thắng trí và không ngưng nghỉ cho đến khi đạt được đến tột đỉnh của tuệ và tất cả các phẩm chất của Đức Phật.

Tuệ do thiên sinh khởi có thể được chia làm hai nhóm. Nhóm đầu tiên bao gồm các thắng trí phạm cùng với các tuệ khác như: Nhãn thông, tha tâm thông, thần túc thông, nhĩ thông, túc mạng thông, tuệ về nghiệp quả, tuệ về tương lai.⁽¹⁾

Nhóm thứ hai bao gồm 5 điều làm trong sạch – trong sạch kiến thức (kiến tịnh), trong sạch do vượt qua nghi ngờ (đoạn nghi tịnh), trong sạch do tuệ và khả năng thấy được đó là đạo và đó không phải đạo (đạo phi đạo tri kiến tịnh), trong sạch do tuệ và khả năng thấy được cách thực hành (hành thanh tịnh), và trong sạch do tuệ và khả năng thấy (tri kiến thanh tịnh). Bốn điều đầu tiên là hiệp thế, điều cuối cùng thuộc về siêu thế.

Sau khi thành tựu do học hỏi và tham vấn, hiểu biết về pháp như uẩn... để tạo nền tảng cho tuệ, Bồ tát tự củng cố hai nguồn cội của sự trong sạch là: Trong sạch giới (giới tịnh) và trong sạch tâm (tâm tịnh), rồi thực hiện bốn điều đầu tiên làm cho tuệ trong sạch như đã đề cập để tạo *thân của tuệ* ⁽²⁾.

(1)- Tuệ về nghiệp quả (cũng gọi là tuệ về sự chết và tái sinh của chúng sanh – sinh tử thông) và tuệ về tương lai là dưới nhãn thông; do vậy mà trong 7 tuệ được liệt kê thì chỉ có 5 thắng trí. Thứ sáu đó là tuệ về sự đoạn trừ các ô nhiễm, thành tựu Alahán (Lậu tận thông).

(2)= Điều thứ năm thuộc về tuệ Siêu thế, Bồ tát chưa đạt được. Và điều thứ năm này là “cái đầu của tuệ”- Nd.

Phương pháp thực hành điều này cùng với sự phân tích phạm vi khách quan của chúng được giải thích chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, chỉ có điều là trong tác phẩm đó, giải thích về tuệ đối với chúng sinh tìm kiếm sự giác ngộ của bậc Thánh Thánh văn. Ở đây, do đề cập đến các vị Bồ tát nên được giải thích là do tâm Bi và trí thiện xảo dẫn đầu.

Có điều khác biệt nữa là: Ở đây, Bồ tát phát triển tuệ quán (*vipassanāñāṇa*) cho đến hết “thực hành làm cho trong sạch – hành thanh tịnh”, Bồ tát không đạt đến giai đoạn cuối cùng là “thấy biết trong sạch – tri kiến thanh tịnh”.

(Từ đây trở đi, các balamật còn lại sẽ được xem xét từng phần và được tóm tắt hơn so với trong bốn balamật đầu tiên)

Để tu tập các balamật, Bậc Đại nhân chí nguyện đạt được giác ngộ tối cao nên Ngài luôn làm điều gì thích hợp và phục vụ. Do vậy, Ngài hăng hái phục vụ vì lợi ích của chúng sinh và ngày qua ngày Ngài thường quán xét: “Ta có tích lũy được bất kỳ phước báu hay tuệ nào trong ngày hôm nay chưa? Ta đã làm được điều gì mang lợi ích đến người khác chưa?” Để giúp đỡ tất cả chúng sinh, Ngài từ bỏ một số tài sản, hay chi thể luôn cả mạng sống của mình, Ngài cũng chẳng quan tâm đến

Bất kỳ nghiệp nào Ngài tạo ra từ thân, khẩu hay ý, tâm Ngài luôn hướng đến sự thành tựu phẩm vị cao tột Đức Chánh giác. Ngài hướng tâm thoát khỏi

đục lạc dù đó là loại cực tốt hay hèn kém, Ngài thiện xảo trong các hành động của mình.

Ngài tinh cần tu tập vì lợi ích của chúng sinh, có thể chịu đựng được mọi thứ dù đáng mong muốn hay không mong muốn và không nói lời dối trá.⁽¹⁾

Ngài rải tâm từ và bi đến tất cả chúng sinh. Bất kỳ nhân nào gây đau khổ cho chúng sinh thì Ngài luôn sẵn sàng nhận lấy về mình và Ngài hạnh phúc khi thấy chúng sinh an lạc.

Ngài thường quán xét về sự cao thượng tốt cùng và năng lực từ bi vô lượng của chư Phật Chánh giác nên bất cứ nghiệp thân, khẩu hay ý mà Bồ tát tạo được tâm đều hướng đến giác ngộ Chánh giác. Và theo đó, Bậc Đại nhân đặt nền tảng các pháp balamật trên tâm vô lượng từ bi và trí thiện xảo.

Với tâm từ bi, Bồ tát tìm kiếm và giải trừ nhiều loại khổ mà chúng sinh phải chịu như đói, khát, lạnh, nóng, gió, mặt trời... dù phải từ bỏ thân thể và mạng sống chính mình để bảo vệ chúng sinh.

Và bất kỳ hạnh phúc nào mà Ngài tự đạt được khi làm nhẹ bớt các loại khổ này, Ngài đều mong muốn chia sẻ đến mọi chúng sinh, như được an lạc thân tâm trong những khu vườn, cung điện, hồ, trong rừng, an lạc trong thiên... Ngài cố gắng thành tựu những an lạc mà chư Thánh thánh văn, Độc Giác đạt được (do Bồ tát được nghe) để rồi chỉ dẫn cho chúng

⁽¹⁾- Âm chỉ cho tinh tấn, nhẫn nại và chân thật balamật.

sinh đạt được qua kinh nghiệm của chính Bồ tát. Như vậy, khi tu tập xuất ly balamật, tất cả những gì Bồ tát tìm được cũng chỉ vì chúng sinh.

Với người chưa an trú vào định thì Bồ tát chỉ cách xuất ly như trên. Ai nhập được vào định (Sơ định) thì Ngài hướng dẫn cho họ thành tựu được hỷ (nhị định), lạc (tam định), xả (tứ định), định và tuệ thật sự có được do tự Ngài đã tự mình trải nghiệm và thành tựu

Với những thắng trí mà Bồ tát đạt được như Thiên nhân... Ngài quán xét thấy toàn bộ thế giới chúng sinh hữu tình bị chịu nhiều đau khổ trong vòng luân hồi, cái khổ xuất phát từ những ô nhiễm (āsava) và nghiệp hành.

Ngài thấy được chúng sinh trong địa ngục phải chịu đau đớn khắc nghiệt, bị hành hạ, tra tấn không ngừng trong thời gian dài, họ bị chặt, cắt chân tay, bẻ ra, bị nghiền ra và bị nướng trên ngọn lửa hung bạo.

Ngài thấy được sự khổ của súc sinh, do chúng thù nghịch nhau, nên chúng làm khổ nhau, tấn công nhau, sát hại nhau...

Ngài thấy được sự đau khổ của nhiều hạng phi nhân đi đây đó với thân hình rực lửa, bị đói, khát, gió, nắng, khóc than và rên rỉ do vật thực của chúng biến thành đồ nôn mửa và nước dãi.

Ngài cũng quán xét sự đau khổ mà nhân loại phải trải qua, sự đau khổ mà thường được phân biệt với khổ trong cõi khổ: khổ và sự tiêu tan mà họ gặp

phải khi tìm kiếm (các loại vật thực và thọ hưởng); nhiều sự trừng phạt mà họ gặp phải như cắt tay...; xấu xí, dị dạng và nghèo nàn; bị đói và khát; bị kẻ mạnh đánh bại, phục vụ người khác, bị phụ thuộc vào người khác và khi qua đời, họ rơi xuống các địa ngục, các cõi phi nhân và cõi thú.

Ngài thấy được các chư thiên cõi dục bị si hành hạ khi thụ hưởng các cảnh dục với tâm tán loạn, sống với cơn sốt đam mê chưa tắt như một đồng lửa có nhiều gió và củi khô; không được an bình, thất vọng và phụ thuộc vào người khác.

Và Ngài thấy được chư thiên ở cõi Sắc và Vô sắc giới (do Ngài đạt được Sinh tử thông – Nđ) sau khi có tuổi thọ dài, cuối cùng cũng không chống nổi luật vô thường, rơi từ nơi cao xuống vòng luân hồi, già và chết, giống như những con chim lao từ trên trời xuống hay như những mũi tên bắn bắn vào khoảng không của người xạ thủ.

Và khi nhìn thấy tất cả những điều này, Ngài khơi dậy tâm bức thiết tu tập các pháp trợ đạo từ thân, khẩu và ý không ngừng nghỉ và rải tâm từ bi đến tất cả chúng sinh.

Ngài tu tập tinh tấn balamật, khơi dậy sự nhiệt tâm trong khi thực hành một cách triệt để và bền bỉ, không hề lui sụt hay co rúm tâm trước các balamật.

Bồ tát tinh tấn đạt được và, tích trữ những phẩm chất phi thường, vô lượng, cao thượng, trong sạch, không ô nhiễm và không gì so sánh được.

Ngài tự khuyến khích làm tăng trưởng tinh tấn, vì tinh tấn như vậy thì có năng lực tâm linh phi thường mà thậm chí người thường còn có thể đạt được, nói gì đến tinh tấn trong tu tập.

Tu tập thành công tất cả các pháp trợ đạo hoàn toàn nhờ vào năng lực tinh tấn. Tam tướng được sinh lên, bốn nơi chú niệm (tứ niệm xứ - Nd), bốn điều lợi ích cơ bản (tứ như ý- Nd)..., hương vị của từ bi, quán xét các pháp; đó là điều kiện riêng biệt để nhận biết được các phẩm chất của Đức Phật.

Bồ tát xem tất cả chúng sinh như là những người con yêu quý của mình, không bị mệt mỏi với những đau khổ trong vòng luân hồi, từ bỏ mọi thứ có thể từ bỏ được, hoan hỷ trong bố thí, quyết định đạt được giới cao hơn..., trong đó, không lay chuyển, hỷ và hân hoan trong các hành động thiện, có khuynh hướng xuất gia, chứng thiền, thấy không đủ với các trạng thái tâm, thuyết Pháp cho người khác do mình được học vì lợi ích của người khác, chủ động chắc chắn đưa chúng sinh đến chánh đạo, minh mẫn và anh hùng, không hề nao núng khi đối mặt với những lời phỉ báng và sai trái của người khác, quyết định đối với sự thật, thiện xảo khi chứng thiền, đạt được thần thông qua các thắng trí, hiểu rõ được ba đặc tính, tu tập các pháp cần thiết cho đạo siêu thế qua việc tu tập thiền theo các nền tảng niệm... và hướng đến 9 pháp siêu thế.⁽¹⁾

(1)- Bốn đạo, bốn quả và nípbàn.

Do vậy, từ khi ước nguyện cho đến khi giác ngộ, Bồ tát không ngừng quán xét sự tinh tấn của mình một cách kỹ lưỡng, không hề bị lui sụt để cho sự tinh tấn đó đạt đến các trạng thái cao hơn và cao hơn nữa.

Và khi điều này được thành công, thì tất cả các pháp trợ đạo - nhẫn nại, chân thật, quyết định... cũng như bố thí, trì giới sẽ được thành công. Vì tất cả những pháp này xuất hiện phụ thuộc vào tinh tấn.

Nên hiểu về sự tu tập nhẫn nại balamật và các balamật còn lại cũng cùng phương pháp như vậy.

Do vậy, nhờ bố thí, từ bỏ hạnh phúc và tài sản của mình cho người khác, Bồ tát tu tập để đem lợi ích đến cho người khác theo nhiều cách.

Nhờ trì giới, bảo vệ mạng sống, tài sản và vợ của người khác, lời nói không vi phạm, thân thiện và mang lại lợi ích, vô hại...

Nhờ xuất ly, nhiều cách hành xử mang lại lợi ích cho người, như bố thí tài sản, bố thí pháp....

Nhờ tuệ, thiện xảo khi vì lợi ích của người khác.

Nhờ tinh tấn, khơi dậy lòng nhiệt huyết khi hành động mà không bị chùng lòng.

Nhờ nhẫn nại, chịu đựng được những sai trái của người khác.

Nhờ quyết định, giữ không bị lay chuyển khi giúp đỡ người khác thậm chí khi gặp khó khăn.

Nhờ lòng từ, quan tâm đến lợi ích và hạnh phúc của người khác.

Và nhờ xả, vẫn điềm tĩnh giúp đỡ người khác khi họ cần, thậm chí đó là kẻ gây nguy hại, làm hại Ngài.

Đây là sự tu tập vì lòng trắc ẩn đối với chúng sinh, Bồ tát tu tập vì hăng hà chúng sinh.

Theo các cách tu tập đó, Ngài tích lũy những phước và tuệ vô lượng mà thế gian không thể chia xẻ được.

Duyên của chúng được nêu lên ở trước, nên tu tập những pháp đó một cách triệt để.

11- Balamật được phân tích như thế nào (ko vibhāgo)?

Các balamật được phân tích thành 30 là: 10 balamật (cơ bản), 10 balamật bậc trung (*upapārami*) và 10 balamật bậc thượng (*paramatthapārami*).

Ở đây, một số vị giáo sư cho rằng:

- Mười balamật cơ bản là những pháp vừa sáng vừa tối, vì vị Bồ tát vừa phát nguyện tu tập, mục đích của Ngài là vì lợi ích của người khác và các phương pháp của Ngài là hành động vì mục đích này.

- Mười balamật bậc trung là những pháp sáng, không bị bất kỳ bóng tối nào làm cho ô nhiễm.

- Và mười balamật bậc thượng là những pháp không tối cũng không sáng.

Các vị khác nói rằng những balamật cơ bản được tu tập lúc khởi đầu (sự nghiệp của mình); những balamật bậc trung được tu tập trong kế hoạch của

Bồ tát; và các balamật bậc thượng đạt đến độ hoàn hảo trong tất cả các phương thức của Bồ Tát.

Hay các balamật cơ bản liên quan đến việc hành động vì lợi ích của người khác trong kế hoạch của Bồ tát; những balamật bậc trung là hành động vì lợi ích của chính mình và những balamật bậc thượng là tu tập vì lợi ích của chính mình và người khác để thành tựu những năng lực của bậc Chánh giác.

Do vậy, các vị ấy phân tích các balamật theo khởi đầu, đoạn giữa và đích đến trong sự nghiệp của Bồ tát. Hay phân tích theo cách: Quyết định tu tập các balamật, tu tập và hoàn thành một cách tương ứng.

Bố thí balamật cơ bản (*dānapārami*) là từ bỏ con cái, vợ và tài sản của chính mình; bố thí balamật bậc trung (*dāna-upapārami*) là từ bỏ chân tay của chính mình; và bố thí balamật bậc thượng (*dānaparamatthapārami*) là từ bỏ cuộc sống của chính mình.

Nên hiểu ba giai đoạn trong giới balamật là không vi phạm giới vì : tài sản, con cái và vợ; bậc trung là “không vi phạm vì chân tay...” và bậc thượng là “không vi phạm vì sự sống của chính mình”.

Ba giai đoạn trong xuất ly balamật là sự xuất ly của ba nền tảng đó (là tài sản, vợ, con; chi thể và mạng sống) sau khi từ bỏ không dính mắc với chúng.

Ba giai đoạn trong tuệ balamật là suy xét đúng đắn giữa điều mang lại lợi ích và điều gây nguy hại

cho chúng sinh, sau khi trừ tận gốc tham của cải, chân tay và cuộc sống của mình.

Ba giai đoạn trong tinh tấn balamật là tinh tấn từ bỏ những thứ nói ở trên.

Ba giai đoạn trong nhẫn nại balamật là chịu đựng những chướng ngại đối với tài sản, chân tay và cuộc sống của mình.

Ba giai đoạn trong chân thật balamật là không từ bỏ sự thật vì của cải, chân tay và cuộc sống của mình.

Ba giai đoạn trong quyết định balamật là quyết định không hề lay chuyển bất chấp sự hủy diệt tài sản, chân tay và cuộc sống của mình, chịu đựng trong tâm rằng những balamật được tu tập thành công nhờ quyết định mà không hề nao núng.

Ba giai đoạn trong Từ balamật và giữ tâm từ đối với chúng sinh, những ai phá hủy tài sản... của mình.

Và ba giai đoạn trong xả balamật là giữ thái độ trung lập đối với chúng sinh và các pháp hành dù họ có giúp đỡ hay làm hại những điều cơ bản nói ở trên (tức là tài sản, chân tay và cuộc sống).

Nên hiểu sự phân tích các balamật theo cách này.

12- Các balamật kết hợp như thế nào (*ko sangaho*)?

Như đã nêu, 10 balamật được phân tích thành 30, chúng cũng gồm 6 theo bản chất riêng biệt của

chúng: Bồ thí, trì giới, nhẫn nại, tinh tấn, thiền và tuệ.⁽¹⁾

Khi xem xét đến nhóm này thì:

- *Xuất ly balamật.*

*- Khi xuất gia sống không nhà thì gom vào giới balamật.

*- Khi thoát khỏi những chương ngại thì trong thiền balamật.

- Và khi là pháp thiện nói chung thì trong tất cả sáu balamật.

- Một phần của chân thật balamật tức là khía cạnh lời nói chân thật hay tránh nói dối thì được bao gồm trong giới balamật và một phần là khía cạnh tuệ chân thật thì bao gồm trong tuệ balamật.

- Từ balamật được bao gồm trong thiền balamật và xả balamật được bao gồm trong thiền và tuệ balamật.

- Quyết định balamật có trong tất cả.

Sáu balamật này ít nhất có 15 cặp (*yugala*) các pháp mà làm cho 15 cặp khác được hoàn hảo. Đó là gì?

(1)- Đây là sự liệt kê tiêu chuẩn các balamật theo Mahāyāna qua một danh sách mà tự nó truy nguyên trở về trước. Tức là sáu balamật này có trước khi trường phái Mahāyāna xuất hiện.

a. Bố thí và giới – (làm cho) “có lợi cho người và tránh không làm điều có hại cho người” được hoàn hảo”.

b. Bố thí và giới – (làm cho) “từ bỏ dục lạc và sân” được hoàn hảo”.

c. Bố thí và nhẫn nại – (làm cho) “vô tham và vô sân” được hoàn hảo.

d. Bố thí và tinh tấn – (làm cho) “rộng rãi và học hỏi” được hoàn hảo.

e. Bố thí và tuệ - (làm cho) “phương tiện cao thượng và nhẹ gánh nặng” được hoàn hảo.

f. Giới và nhẫn nại – (làm cho) “làm trong sạch các phương thức và làm trong sạch mục đích” được hoàn hảo.

g. Giới và tinh tấn – (làm cho) “phát triển thiện chí và quán” được hoàn hảo.

h. Giới và thiền – (làm cho) “từ bỏ trụ lạc và ám ảnh” được hoàn hảo.

i. Giới và tuệ - (làm cho) “hai cách bố thí”⁽¹⁾ được hoàn hảo.

j. Nhẫn nại và tinh tấn - (làm cho) “chấp nhận và nhiệt tình” được hoàn hảo.

k. Nhẫn nại và thiền - (làm cho) “từ bỏ pháp đối nghịch và quý mến” được hoàn hảo.

⁽¹⁾- Bố thí không sợ hãi nhờ quán xét giới và bố thí Pháp nhờ tuệ.

l. Nhân nại và tuệ - (làm cho) “chấp nhận và thấu suốt được sự trống rỗng” được hoàn hảo.

m. Tinh tấn và thiền - (làm cho) “nỗ lực và không sao nhãng” được hoàn hảo.

n. Tinh tấn và tuệ - (làm cho) “các nơi nương.” được hoàn hảo.

o. Và cặp thiền và tuệ (làm cho) “chỉ và quán” được hoàn hảo, (tức là các phương tiện chỉ và quán).

Bộ ba:

Bố thí, giới và nhân nại làm cho sự từ bỏ tham, sân và si được hoàn hảo.

Bố thí, giới và tinh tấn làm cho tài sản, sức khỏe và mạng sống hoàn hảo.

Bố thí, giới và thiền làm cho ba nền tảng của các nghiệp thiện (thân, khẩu, ý) được hoàn hảo.

Bố thí, giới và tuệ làm cho bộ ba: Bố thí vật chất, bố thí sự vô sợ và bố thí Pháp được hoàn hảo.

Cũng vậy, những bộ ba và bộ tứ khác có thể được dùng thích hợp trong mỗi trường hợp.

Sáu balamật này cũng được bao gồm trong bốn nền tảng (*cattāri adhiṭṭhānāni*), tổng hợp cho tất cả các balamật.⁽¹⁾ Đó là gì? Đó là :Nền tảng sự thật, nền tảng từ bỏ, nền tảng yên bình và nền tảng tuệ.

⁽¹⁾ Hãy xem M. iii 240-46, trong đó bốn nền tảng được giải thích liên quan đến Alahán.

*- *Nền tảng sự thật*: Điểm chung của các nền tảng này là: Sau khi ước nguyện đạt các pháp siêu thế, để trở thành bậc Chánh giác, Bậc Đại nhân tu tập vì tất cả chúng sinh, tạo nền tảng sự thật bằng cách đạt được tất cả các balamật phù hợp với lời nguyện.

*- *Nền tảng từ bỏ*: Bằng cách từ bỏ các pháp đối nghịch.

*- *Nền tảng yên bình*: Bằng cách làm cho các pháp đối nghịch với tất cả các pháp balamật được yên lặng.

*- *Và nền tảng tuệ*: bằng sự thiện xảo khi thúc đẩy lợi ích của người khác qua những pháp tương tự đó.

Nói riêng ra thì:

- *Bố thí* là nhân gần cho bốn nền tảng của các pháp thiện như sau:

*- *Nền tảng sự thật*: Do nguyện bố thí cho những ai hỏi xin mà không làm cho họ thất vọng, nên bố thí để không phạm lời nguyện và hoan hỷ vì không làm cho họ thất vọng.

*- *Nền tảng từ bỏ*: Qua việc từ bỏ những pháp đối nghịch như sự keo kiệt....

*- *Nền tảng yên bình*: Qua việc làm trong sạch tham, sân, si và sự sợ hãi liên quan đến các cảnh được bố thí, người thọ thí, hành động bố thí và sự mất mát các cảnh bố thí một cách tương ứng.

*-Nền tảng tuệ: Qua việc bố thí hợp thời, cách thức thích hợp và qua sự vượt trội của tuệ.

Giới là nhân gần cho bốn nền tảng: (1) qua việc không phạm vào những điều ràng buộc; (2) qua việc từ bỏ sự truy lạc; (3) qua việc làm cho những hành vi không đúng đắn được yên lặng; và (4) qua sự vượt trội của tuệ.

Nhẫn nại là nhân gần cho bốn nền tảng: (1) qua việc nhẫn nại chấp nhận theo lời nguyện; (2) qua việc từ bỏ sự phân biệt đối xử đối với những người khác vì điều sai trái của họ; (3) qua việc làm cho sự ám ảnh giận dữ được yên lặng; và (4) qua sự vượt trội của tuệ.

Tinh tấn là nhân gần cho bốn nền tảng: (1) hành động vì lợi ích của người theo lời nguyện; (2) từ bỏ sự chán nản; (3) làm cho các pháp bất thiện được yên lặng; và (4) sự vượt trội của tuệ.

Thiền là nhân gần cho bốn nền tảng: (1) quan tâm đến lợi ích của thế gian theo lời nguyện; (2) từ bỏ những chướng ngại; (3) làm cho tâm được yên lặng; và (4) sự vượt trội của tuệ.

Và *Tuệ* là nhân gần cho bốn nền tảng: (1) thiện xảo khi thúc đẩy lợi ích của người khác theo lời nguyện; (2) từ bỏ hành động không thiện xảo; (3) làm cho những lo sợ do si được yên lặng; và (4) đạt giác ngộ.

Nền tảng sự thật được tu tập bằng cách “hành động theo sự hiểu biết và lời nguyện”.

Nền tảng từ bỏ được tu tập bằng cách “từ bỏ các cảnh dục lạc ở bên ngoài và dục ô nhiễm –kāmāsava (dục lậu) ở bên trong”.

Nền tảng yên bình được tu tập bằng cách “làm cho thân và khổ được yên lặng”.

Và nền tảng tuệ được tu tập bằng cách “hiếu và thẩm nhuần”.

Nền tảng sự thật gồm ba sự thật và đối nghịch với ba lậu hoặc (tham, sân và si).

Nền tảng từ bỏ gồm ba sự từ bỏ và đối nghịch với ba lậu hoặc.

Nền tảng yên bình bao gồm ba việc làm cho yên lặng và đối nghịch với ba lậu hoặc.

Và nền tảng tuệ bao gồm ba tuệ và đối nghịch với ba lậu hoặc.

Nền tảng sự thật bao gồm nền tảng từ bỏ, yên bình và tuệ qua việc không lừa dối và hành động vì lời nguyện.

Nền tảng từ bỏ bao gồm các nền tảng sự thật, yên bình và tuệ qua việc từ bỏ những pháp đối nghịch và những quả tốt của việc từ bỏ mọi thứ.

Nền tảng yên bình bao gồm nền tảng sự thật, từ bỏ và tuệ qua việc làm cho cơn sốt ô nhiễm và nghiệp được yên lặng.

Và nền tảng tuệ bao gồm các nền tảng sự thật, từ bỏ và yên bình do tất cả chúng đi trước và đồng hành với tuệ.

Do vậy, tất cả các balamật được đặt nền tảng sự thật, được làm rõ bằng sự từ bỏ, được tăng cường bằng sự yên bình và được trong sạch bởi tuệ.

Sự thật là nhân để hình thành chúng, sự từ bỏ là nhân để đạt được, sự yên bình là nhân để lớn mạnh và tuệ là nhân để đạt đến sự trong sạch hoàn hảo.

Lúc khởi đầu (sự nghiệp Bôtát), sự thật là nền tảng do chí nguyện của Ngài được thực hiện theo sự thật. Lúc giữa, sự từ bỏ là nền tảng do sau khi chí nguyện, Bôtát từ bỏ chính mình vì lợi ích của người khác. Lúc cuối, yên bình là nền tảng do sự hoàn thành (sự nghiệp) là thành tựu sự yên bình hoàn hảo. Và trong mỗi cụm - khởi đầu, đoạn giữa và kết thúc - tuệ là nền tảng, vì khi có tuệ mới có ba nền tảng ấy; khi không có tuệ ba nền tảng kia không tồn tại.

Do vậy, nên hiểu tập hợp các balamật được bao gồm trong bốn nền tảng và được trang điểm bằng nhiều pháp cao thượng khác.

Và như các balamật được bao gồm trong bốn nền tảng, chúng cũng bao gồm trong tuệ và từ.

Vì tất cả các pháp trợ đạo có thể được bao gồm trong tuệ và từ; bổ thí trở thành cao thượng khi được đồng hành với tuệ và từ; các pháp balamật khác cũng thế. Và tất cả là những pháp cần thiết của vị Bôtát để được giác ngộ Chánh giác.

13- Các balamật được tu tập theo các cách nào?

Có bốn phương pháp tu tập các balamật:

a- Tu tập mà không bỏ sót phước..., tầm cầu giác ngộ, thực hiện chúng mà không có thiếu sót.

b-Thực hiện một cách triệt để với sự nhiệt tâm cao.

c- Kiên trì thực hiện không ngừng nghỉ.

d- Nỗ lực chịu đựng với thời gian dài, không đi nửa chừng.

Chúng tôi sẽ giải thích độ dài thời gian như sau:

Để tầm cầu giác ngộ, bậc Đại nhân trước tiên quy y Phật như vậy: “Con xin quy y Phật”. Và bất kỳ khi nào có tài sản gì, trước tiên Ngài quyết định đó là vật thí tiềm năng trong tâm: “Bất kỳ vật cần thiết cho cuộc sống nào đến chỗ ta, ta sẽ bố thí cho những ai cần đến và chính ta sẽ chỉ dùng những gì còn lại”.

Khi quyết định trong tâm hoàn toàn từ bỏ bất kỳ tài sản nào có được, dù có sinh mạng hay không có mạng sống. Vị Bồ tát phải vượt qua bốn sự trói buộc của pháp bố thí là: không quen với việc bố thí trong quá khứ, sự thấp kém của vật được bố thí; sự tuyệt hảo xinh đẹp của vật được bố thí và sự lo lắng về mất mát.

(1) Khi Bồ Tát có được những vật thí và có người xin, nhưng tâm Ngài không có ý nghĩ bố thí và Ngài không muốn bố thí. Ngài kết luận: “Chắc chắn là ta không có thói quen bố thí trong quá khứ, do vậy nên bây giờ ta không khởi lên sự mong muốn bố thí. Để cho tâm ta được hoan hỷ với sự bố thí trong tương

lai, ta sẽ bố thí. Với có được pháp nhãn trong tương lai, ta hãy từ bỏ những gì cần từ bỏ khi cần thiết”.

Do vậy, Ngài bố thí một cách hào phóng, hoan hỷ khi từ bỏ, hoan hỷ khi được hỏi xin.

Theo đó, bậc Đại nhân phá hủy, làm vỡ tan và loại trừ sự trói buộc thứ 1 của bố thí.

(2) Lại nữa, khi vật thí thấp kém hay có khiếm khuyết, Bậc Đại nhân quán xét: “Do ta không có khuynh hướng bố thí trong quá khứ nên trong hiện tại đây, những vật dụng của ta bị khiếm khuyết. Do vậy, ta hãy bố thí bất kỳ thứ gì ta có dù là kém khuyết. Theo cách đó, trong tương lai ta sẽ đạt đến đỉnh của bố thí”.

Do vậy, Ngài bố thí bất kỳ loại vật thí nào tuy kém khuyết, nhưng tâm Ngài hào phóng, rộng lượng và hoan hỷ khi từ bỏ, hoan hỷ khi được hỏi xin.

Theo đó, bậc Đại Nhân phá hủy, làm vỡ tan và loại trừ chương ngại thứ hai đối với bố thí.

(3) Khi miến cưỡng bố thí do sự xinh đẹp, tuyệt hảo của vật thí, bậc Đại Nhân tự quán xét: “Này người tốt bụng, người không chú nguyện thành tựu giác ngộ cao thượng nhất và thù thắng nhất trong tất cả các trạng thái sao? Để tâm cầu giác ngộ, thật là thích hợp, khi người bố thí vật tuyệt hảo và xinh đẹp”. Do vậy, Ngài bố thí những gì tuyệt hảo và xinh đẹp một cách hào phóng, rộng lượng; hoan hỷ khi từ bỏ, hoan hỷ khi được hỏi xin.

Theo đó, bậc Đại Nhân phá hủy, làm vỡ tan và loại trừ chương ngại thứ ba đối với bố thí.

(4) Khi bố thí và thấy mất mát, Bậc Đại Nhân quán xét như vậy: “Đây là bản chất của tài sản vật chất, chúng dễ bị mất mát và hoại diệt. Hơn nữa, do ta không bố thí những vật thí như vậy trong quá khứ nên tài sản của ta bây giờ bị suy yếu. Vậy thì ta hãy bố thí bất kỳ thứ gì ta có dù nhiều hay ít. Theo đó, trong tương lai ta sẽ đạt đến đỉnh của bố thí balamật”. Do vậy, Ngài bố thí bất kỳ thứ gì Ngài có - rộng lượng, hào phóng, hoan hỷ khi từ bỏ, hoan hỷ khi được hồi xin.

Theo đó, bậc Đại Nhân phá hủy, làm vỡ tan và loại trừ chương ngại thứ tư đối với bố thí.

Khi quán xét như vậy, theo bất kỳ cách gì thích hợp là các cách để loại trừ những chương ngại đối với bố thí balamật. Phương pháp tương tự cũng được dùng với giới balamật và các balamật khác.

Hơn nữa, sự từ bỏ của Đức Phật cũng là một phương thức để hoàn thiện các balamật. Vì khi bậc Đại nhân cố gắng tinh cần tu tập các pháp trợ đạo, gặp khó khăn phải chịu đựng, lấy hạnh phúc của mình và những phương thức hỗ trợ của mình hay khi bị thương tật do chúng sinh và các hành – khó vượt qua, khắc nghiệt, gây hủy hoại sức sống – khi đó Ngài quy y Phật và quán xét: “Ta từ bỏ chính mình đến Đức Phật. Những gì đến sẽ đến”.

Vì lý do này mà Ngài không lay động, không lay chuyển, ít nhất cũng không do dự mà hoàn toàn vững tâm quyết định làm việc thiện.

Nói ngắn gọn thì loại bỏ tự ngã và phát triển tình thương với người khác là các phương thức thực hiện các balamật.

Bằng cách hiểu đầy đủ tất cả các pháp theo bản chất của chúng, bậc Đại nhân, người quyết định đạt được giác ngộ tối cao, không bị chúng làm cho ô nhiễm và tự ngã của Ngài bị loại trừ.

Khi đó, nhờ tu tập tâm đại bi không ngại, Ngài coi tất cả chúng sinh như con thân thiết của mình, tâm từ bi và sự yêu mến họ tăng lên. Ở giai đoạn này, bậc Đại nhân, loại trừ các ô nhiễm như keo kiệt ..., những pháp đối nghịch với các pháp trợ đạo và loại trừ được tham, sân và si đối với chính mình và người khác, còn làm cho mọi người đến và đạt được độ chín muồi trong ba phương thức, bằng cách mang lợi ích lớn đến cho họ với 4 cơ bản lợi ích mà đồng hành với 4 nền tảng là bố thí, nói lời yêu mến, hành xử mang lại lợi ích và xả.

Đại bi và đại tuệ của bậc Đại Nhân được trang điểm bằng bố thí. Bố thí của các Ngài được trang điểm và đồng hành với lời nói yêu mến, lời nói yêu mến đồng hành với cách hành xử mang lại lợi ích và cách hành xử mang lại lợi ích đồng hành với xả.

Khi tu tập các pháp trợ đạo, Bồ tát đối xử với tất cả chúng sinh không có ngoại lệ, tương đương với chính họ và bình đẳng với họ trong tất cả các trường

hợp, an lạc hay đau khổ. Và khi trở thành Phật, khả năng của các Ngài để giảng dạy cho nhân loại được hoàn hảo bằng cách mang lại lợi ích lớn đến cho họ với cùng bốn cơ bản lợi ích này, những cơ bản được tu tập bằng bốn nền tảng.

Đối với các vị Phật, bố thí là tu tập nền tảng từ bỏ, lời nói yêu mến là tu tập nền tảng sự thật, hành xử mang lại lợi ích là tu tập nền tảng tuệ và xả là tu tập nền tảng yên bình.

Về parinibbāna (viên tịch), tất cả các vị Thánh Thinh văn Alahán và các vị Phật Độc giác hoàn toàn giống với bậc Chánh giác; giống hệt nhau mà không có phân biệt.

Do vậy có nói: “Giải thoát của các vị ấy không có đa dạng”.

Ngài chân thật, rộng rãi và yên bình
Có tuệ và cảm thông
Tất cả các pháp cần thiết đều làm xong:
Hỏi còn điều thiện gì mà Ngài không thể thành tựu?

Ngài là vị Thầy đại bi
Vẫn còn tìm kiếm vì lợi ích của tất cả
Không hề lo lắng trong mọi hoàn cảnh
Ồi, tuyệt vời sao bậc Chiến Thắng!

Bình thản với mọi pháp trên thế gian
Với tất cả chúng sinh với tâm như một
Tận cho đến khi trú trong lợi ích của chúng sinh

Ôi, tuyệt vời sao bậc Chiến Thắng!

Luôn luôn hành động
Vì lợi ích và hạnh phúc của tất cả chúng sinh
Ngài không bao giờ ngừng nghỉ vì lo lắng
Ôi, tuyệt vời sao bậc Chiến Thắng!

14- Mất bao lâu để thực hiện balamật?

Tối thiểu là bốn atăngkỳ (*asaṅkheyya*) và 100 ngàn kiếp trái đất (*mahākappa*); bậc trung là tám atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất; và tối đa là 16 atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất.⁽¹⁾

Chia làm ba là do những vị có tuệ vượt trội, có tín vượt trội và có tấn vượt trội một cách tương ứng. Vì những ai có tuệ vượt trội thì niềm tin (tín) và cố gắng (tấn) yếu; những ai có tín vượt trội thì tuệ trung bình (và tấn yếu nhất); và những ai có tấn vượt trội thì tuệ yếu nhất (và tín trung bình).

Nhưng giác ngộ tối thắng phải được thành tựu do năng lực của tuệ như có nói trong chú giải.

⁽¹⁾- Khoảng thời gian kiếp trái đất được ghi trong kinh điển chỉ qua những cách ví von, đó là nếu có một ngọn núi đá granit cao một do tuần (7 dặm) và tròn một do tuần, cứ mỗi trăm năm có một người đi ngang qua đó dùng một tấm phủ phủ lên ngọn núi. Thời gian người đó làm mòn ngọn núi còn ít hơn cả thời gian của một kiếp trái đất. “Vô lượng” có nghĩa là rất nhiều kiếp trái đất; phải phân biệt được 4 khoảng thời gian vô lượng tạo nên một kiếp trái đất, bốn thời kỳ kéo dài, tiến hóa, hoại và diệt.

Nhưng những vị khác cho rằng sự phân loại thời gian cần thiết cho Bôtát, được căn cứ theo tính chất thô, trung và tế trong sự tinh tấn của các Ngài.

Một số vị khác cho rằng không có sự phân biệt giữa ba khoảng thời gian tương ứng với thời gian cần thiết cho các pháp trợ đạo của các Ngài được thành tựu, mà ngược lại còn được xác định bởi tính chất thô, trung và tế trong các pháp chín muồi dẫn đến pháp Vô lậu (*vimutti-paripācaniyyā dhammā*).

Các vị Bôtát cũng có ba thời điểm ước nguyện, là: Vào thời điểm Ngài là hạng người *ugghaṭitaññū* (*khai thị giả*), hay là người *vipañcitaññū* (*quảng diễn giả*) hoặc là người *neyya* (*tu tập tuần tự*).⁽¹⁾

Trong số đó, bậc *khai thị giả* có được những duyên hỗ trợ đầy đủ, nếu có khuynh hướng giác ngộ Thánh Thỉnh văn, vị ấy có thể đạt Alahán cùng với tứ vô ngại giải (*paṭisambhidā*) và sáu thẳng trí khi nghe bài kệ bốn câu từ miệng Đức Phật Chánh giác, thậm chí khi Đức Phật chưa thốt ra câu thứ ba.

Hạng thứ hai (quảng diễn giả) có những duyên hỗ trợ, là nếu có khuynh hướng giác ngộ Thánh Thỉnh văn, vị ấy có thể đạt Alahán cùng với sáu thẳng trí khi nghe bài kệ bốn câu từ miệng Đức Phật Chánh giác, thậm chí khi Đức Phật chưa thốt ra câu thứ tư.

⁽¹⁾- Xem sự phân loại này trong kinh điển, A. ii. 135.

Và hạng thứ ba (neyya) có những duyên hỗ trợ để đạt Alahán cùng với sáu thắng trí khi nghe được bài kệ bốn câu từ Đức Phật Chánh giác.

Ba hạng này, khi ước nguyện thành bậc Chánh giác và được Đức Chánh giác thọ ký. Khi đó, các vị ấy sẽ tu tập các balamật theo trình tự và đạt giác ngộ tối thượng theo thời gian nói trên cho từng hạng.

Tức là bậc Khai thị giả có thời gian là 4 atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất; bậc Quảng diễn giả thì có thời gian là 8 atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất; bậc neyya thì có thời gian là 16 atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất.

Nhưng ngày qua ngày, các bậc Đại nhân này bỏ thí những đại vật thí như Bô tát Vessantara,⁽¹⁾ cũng tu tập tất cả các balamật như vậy, thực hiện năm điều từ bỏ lớn, đạt đến đỉnh điểm cư xử tốt với thân tộc, tốt với thế gian và phát triển tuệ - các vị ấy giác ngộ Chánh giác trước khi tu tập các pháp balamật khác; điều này không thể được. Tại sao? Vì tuệ của các vị ấy không đủ chín muồi và vẫn chưa hoàn thành việc tu tập các pháp cần thiết để trở thành Phật.

Như hạt chỉ chín muồi sau một thời gian cần thiết (để lớn lên), cũng vậy, giác ngộ tối cao chỉ được hoàn thiện sau khoảng thời gian nói trên.

(1)- Kiếp người áp chót của Bô tát, Ngài sẽ thành Phật trong kiếp làm người có tên là Siddhattha - Phật Gotama tương lai, Bô tát Vessantara là vị hoàng tử rộng lượng và vị tha.

Trước đó, thậm chí tinh tấn với toàn khả năng của mình, Bồ tát cũng không thể thành tựu giác ngộ. Các balamật phải được tu tập theo khoảng thời gian nói trên. Nên hiểu như vậy.

15- Những lợi ích của balamật?

Những lợi ích của vị Bồ tát đã ước nguyện được giải thích như vậy:

*Đó là những ai hoàn thành tất cả các pháp
Hướng đến giải thoát Chánh giác
Dù còn lang thang qua vòng sanh tử
Trong vô số kiếp trái đất*

*Nhưng không bao giờ rơi vào địa ngục Atỳ
Không bao giờ rơi vào đoạn kiến
Không bao giờ có thân không lồ đen đúa
Không bao giờ bị đói khát dù là naga quỷ*

*Dù tái sinh trong cõi khô
Cũng không ở hạng thấp kém
Khi tái sinh trong cõi nhân loại
Không bao giờ bị đui*

*Không bao giờ bị điếc
Không bao giờ bị câm hay què cụt
Không bao giờ là người nữ
Không bao giờ là kẻ hoạn hay lưỡng tính*

*Hướng đến giải thoát Chánh giác,
Các Ngài không phạm ngũ nghịch trọng tội*

*Cuộc sống luôn trong sạch
Giới không như bần*

*Không bao giờ giữ tà kiến
Biết được nghiệp quả
Được tái sinh vào các cõi chư thiên
Nhưng không phải cõi vô tưởng*

*Các Ngài đi xuất gia
Xa rời tất cả các cõi sinh hữu
Vì điều tốt của thế gian
Tinh cần tu tập các balamật.*

Một số những lợi ích khác của balamật như sau:
- Mười sáu pháp thù thắng mà bắt đầu bằng: “Chánh niệm và tỉnh giác, này Ānanda, Bồ tát từ cõi trời Đâu Suất tái sinh vào thai bào” (D. ii, 12).

Ba mươi hai điềm báo như: “Không bị nóng và lạnh” và “khi Bồ tát tái sinh cả mười ngàn thế giới rung động và lay chuyển”... (D.ii, 15); và các pháp khác được ghi trong Bốn sanh, Buddhavaṃsa... như thực hiện các mong muốn của Bồ tát, làm chủ nghiệp... Những lợi ích khác theo cặp như vô tham và vô sân vừa được đề cập.

Hơn nữa, từ khi ước nguyện và được thọ ký, Bồ tát giống như cha của tất cả chúng sinh vì lợi ích của họ. Do những pháp đặc biệt, nên Ngài đáng được cúng dường, đáng được tôn kính, đáng được kính trọng, là phước điền tối cao.

Nói chung thì Ngài gần gũi với nhân loại và phi nhân, được chư thiên hộ trì. Do tâm được đặt nền tảng trên từ và bi nên Ngài không bị thú hoang... làm hại. Dù tái sinh làm hạng chúng sinh nào thì Ngài luôn có sắc đẹp, danh tiếng, an lạc, sức mạnh và quyền thế vượt trội.

Ngài mạnh khỏe và cường tráng, niềm tin của Ngài rất trong sáng, sự tinh tấn của Ngài cũng vượt trội, các ô nhiễm, chướng ngại và đam mê của Ngài suy giảm.

Do các ô nhiễm suy giảm nên Ngài dễ khuyên bảo, khéo léo, nhẫn nại, nhu mì, dễ thông cảm và hiểu khách. Ngài không bị sân, ác ý, hay dèm pha, độc đoán, ghen tỵ, bủn xỉn, tự cao, đạo đức giả, bướng bỉnh, kiêu căng, ngạo mạn và lơ đãng. Ngài chịu đựng được sự tra tấn trong tay người khác nhưng không bao giờ tra tấn ai. Bất kỳ khi nào Ngài vào làng, nói chung không hề có nguy hiểm cũng không có sự nguy hiểm nào đến cho chúng sinh, nếu có thì lắng xuống.

Và bất kỳ khi nào Ngài tái sinh trong các cõi khổ, không giống như những chúng sinh bình thường khác, Ngài không phải chịu khổ cực kỳ mà thậm chí còn có sự thúc giục cấp bách trong tâm.

Do vậy, những pháp riêng biệt của Bạc Đại nhân – như cha của chúng sinh, đáng cúng dường... - được thấy trong các sinh hữu. Đó là những lợi ích của các balamật.

Hơn nữa, tuổi thọ, dung sắc, thân tộc, quyền chức, được tín nhiệm, có năng lực tâm linh lớn cũng là những lợi ích các balamật của bậc Đại nhân.

Tuổi thọ trọn vẹn (āyusampadā) là độ dài kiếp sống hay tuổi thọ trong bất kỳ kiếp nào mà Ngài tái sinh; theo cách đó, Ngài quyết định làm bất kỳ điều thiện nào mà Ngài đã bắt đầu và tích lũy bất kỳ pháp thiện nào.

Dung sắc trọn vẹn (rūpasampadā) là vẻ đẹp sắc pháp, duyên dáng hay đáng yêu; theo đó, Ngài được chúng sinh có sắc pháp như Ngài kính trọng.

Gia tộc trọn vẹn (kūlasampadā) là sự tái sinh vào những gia đình tốt; theo đó, Ngài đáng được chúng sinh vẫn đang còn say sưa với những điều phù phiếm về sanh tộc... đến gần và chăm sóc.

Quyền đầy đủ (issariyasampadā) là có năng lực lớn, có ảnh hưởng lớn và có nhiều tùy tùng; theo đó, Ngài có thể mang lại lợi ích với 4 điều cơ bản mang lại lợi ích cho những ai cần và giảng Pháp cho những ai cần giảng.

Được tín nhiệm (ādeyyavacanatā) có nghĩa là đáng được tin tưởng, đáng tin cậy; theo đó, Ngài trở thành người có quyền cho chúng sinh và lời của Ngài không thể không quan tâm.

Có năng lực lớn (mahānubhāvatā) là có tầm quan trọng trong năng lực tâm linh; theo đó, Ngài không thể bị người khác chế ngự mà Ngài chế ngự họ

bằng Pháp, bằng sự cao thượng và những phẩm chất cao thượng của mình.

Do vậy, đời sống tốt đẹp, là những lợi ích của các balamật của Bậc Đại nhân. Đây là các nhân làm cho phước đức Ngài lớn mạnh vô cùng và bằng những cách đó Ngài đưa chúng sinh đến và đạt độ chín muồi trong ba phương thức.

16- Quả của balamật?

Nói ngắn gọn thì quả của các balamật là trạng thái Bôtát hoàn hảo.

Nói chi tiết thì đó là có thân sắc (*rūpakāya*) lộng lẫy với vô số những pháp thiện như 32 Đại nhân tướng, 80 tướng phụ, mùi thơm bay xa đến cả hải... và dựa vào đó, hào quang xinh đẹp từ thân (*dharmakāya*) chói lòa vô lượng, mười lực, bốn điều khởi niềm tin nơi Đức Phật, sáu loại tuệ không có ở những người khác, 18 phẩm chất chỉ Đức Phật mới có...⁽¹⁾ Và vô số những phẩm chất cao thượng khác của Đức Phật, thậm chí chính Đức Chánh giác cũng không thể mô tả hết được sau nhiều kiếp trái đất. Đây là quả của các balamật.

Và có nói:

⁽¹⁾- Dù có khái niệm Dharmakāya (pháp thân) trong Phật giáo Mahāyāna, đưa ra nghĩa bản thể riêng biệt như thể hiện sự đồng nhất trừu tượng về độ chín mùi cần thiết của Bôtát với toàn bộ các kiếp sinh hữu nói riêng. Ở đây, thuật ngữ *dharmakāya* được dùng, chỉ đơn giản là để biểu thị các pháp tâm linh, xác định độ chín mùi của một vị Phật mà không có sự ngụ ý nói đến bản thể nào khác.

Nếu một vị Phật phải nói để tán dương một vị Phật,

Riêng điều đó cũng phải mất đến một kiếp trái đất,

Đã hết một kiếp trái đất,

Nhưng lời tán dương bậc Chánh Đẳng Giác vẫn còn.

Xin chấm dứt ở nơi đây.